

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY



PETROLIMEX



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2022

MỤC LỤC

I. PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
Một số chỉ tiêu cơ bản

II. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Giới thiệu ban lãnh đạo
Định hướng phát triển
Các rủi ro

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình tài chính
Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Công tác đầu tư CSVCKT
Công tác tổ chức, lao động, tiền lương
Công tác quản trị nội bộ
Công tác an toàn, PCCC, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội
Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 và các giải pháp

V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc
Kế hoạch, định hướng của HĐQT
Các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc

VII. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2021
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần	Triệu đồng	837.922	466.486
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	61.160	52.100
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	53.287	44.943
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	5.840	4.830
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	-2.033	-2.326
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Triệu đồng	515	1.072
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.356	5.902
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.797	4.672
Bảng cân đối kế toán			
Tổng tài sản	Triệu đồng	87.656	87.641
Vốn điều lệ	Triệu đồng	35.032	35.032
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	51.346	51.221
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	5,5	5,3
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	9,3	9,1
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	1.370	1.000*

(*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm 2021 đã được điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2022.

Doanh thu thuần

837.922 Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế

4.797 Triệu đồng

Tổng sản lượng vận tải xăng dầu

61,67 Triệu m³.km

Tổng sản lượng bán xăng dầu

32.632 m³

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây,

Năm 2022 chứng kiến diễn biến bất thường của thị trường xăng dầu thế giới và Việt Nam, khủng hoảng năng lượng toàn cầu do ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga và Ukraina, thị trường xăng dầu trong nước biến động rất lớn, giá xăng dầu 6 tháng đầu năm liên tục tăng, có thời điểm vượt mốc 30.000 đồng/lít, kết hợp với Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn phải cắt giảm công suất vì gặp khó khăn về tài chính đã khiến cho nguồn cung xăng dầu trong nước bị thiếu hụt và đẩy giá sản phẩm tăng mạnh. Nhiều đầu mối không thực hiện nhập khẩu đủ sản lượng

Bộ Công Thương giao chỉ tiêu, các thời điểm biên độ tăng giá lớn, một số thương nhân đầu mối, TNPP và các cửa hàng xăng dầu ngoài xã hội hạn chế bán ra đã tạo ra áp lực rất lớn cho các cửa hàng của Petrolimex, sản lượng bán ra của các công ty xăng dầu tăng đột biến, nhu cầu vận tải cũng tăng cao.

Trong năm 2022 Liên bộ đã có 34 lần điều chỉnh giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu trong đó có 20 lần tăng giá và 14 lần giảm giá, việc tăng, giảm giá làm gián đoạn, đứt gãy nguồn cung ứng nhiên liệu đầu vào, vật tư, thiết bị. Áp lực lạm phát làm cho giá xăng dầu khó định đoạt.

Trong năm vừa qua, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, PTS Hà Tây đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- Doanh thu thuần thực hiện đạt 837.922 triệu đồng, vượt 64,2% so với mức kế hoạch đặt ra.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 6.355 triệu đồng, vượt 22,2% so với kế hoạch đặt ra.
- Lợi nhuận sau thuế: 4.797 triệu đồng tăng 2,7% so với thực hiện năm 2021.

Qua đó củng cố lòng tin và uy tín nơi khách hàng, đối tác của Công ty, củng cố vị thế chung của Petrolimex, thương hiệu của công ty.

Năm 2023 được dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ giảm xuống, thị trường xăng dầu thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, các nguồn cung xăng dầu vẫn chưa ổn định.

Chính phủ chỉ đạo sửa đổi các quy định về kinh doanh xăng dầu để hoạt động đúng theo quy luật thị trường. Các cơ quan chức năng sẽ tăng cường kiểm tra phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại trong công tác vận tải và kinh doanh xăng dầu.

Đây vừa là thử thách, vừa là cơ hội tốt đối với PTS Hà Tây để khẳng định vị thế của mình. Sau quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng, chúng tôi tin rằng PTS Hà Tây đã sẵn sàng để đón đầu cơ hội và đương đầu thách thức, phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Thay mặt Hội đồng quản trị công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và lời chúc tốt đẹp nhất đến các anh chị đã dành thời gian và tâm huyết với công ty trong những năm vừa qua.
Trân trọng.



Lê Tự Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Giới thiệu Ban lãnh đạo

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Số fax

024 33531214

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Mã số doanh nghiệp: 0500387891

Số điện thoại

024 33535228

Địa chỉ

Km17, Quốc lộ 6, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ

35.031.640.000 VNĐ

Người đại diện theo pháp luật

- Ông Lê Tự Cường (Chủ tịch HĐQT Công ty)
- Ông Nguyễn Tử Bình (Giám đốc Công ty)

Mã cổ phiếu

PTH

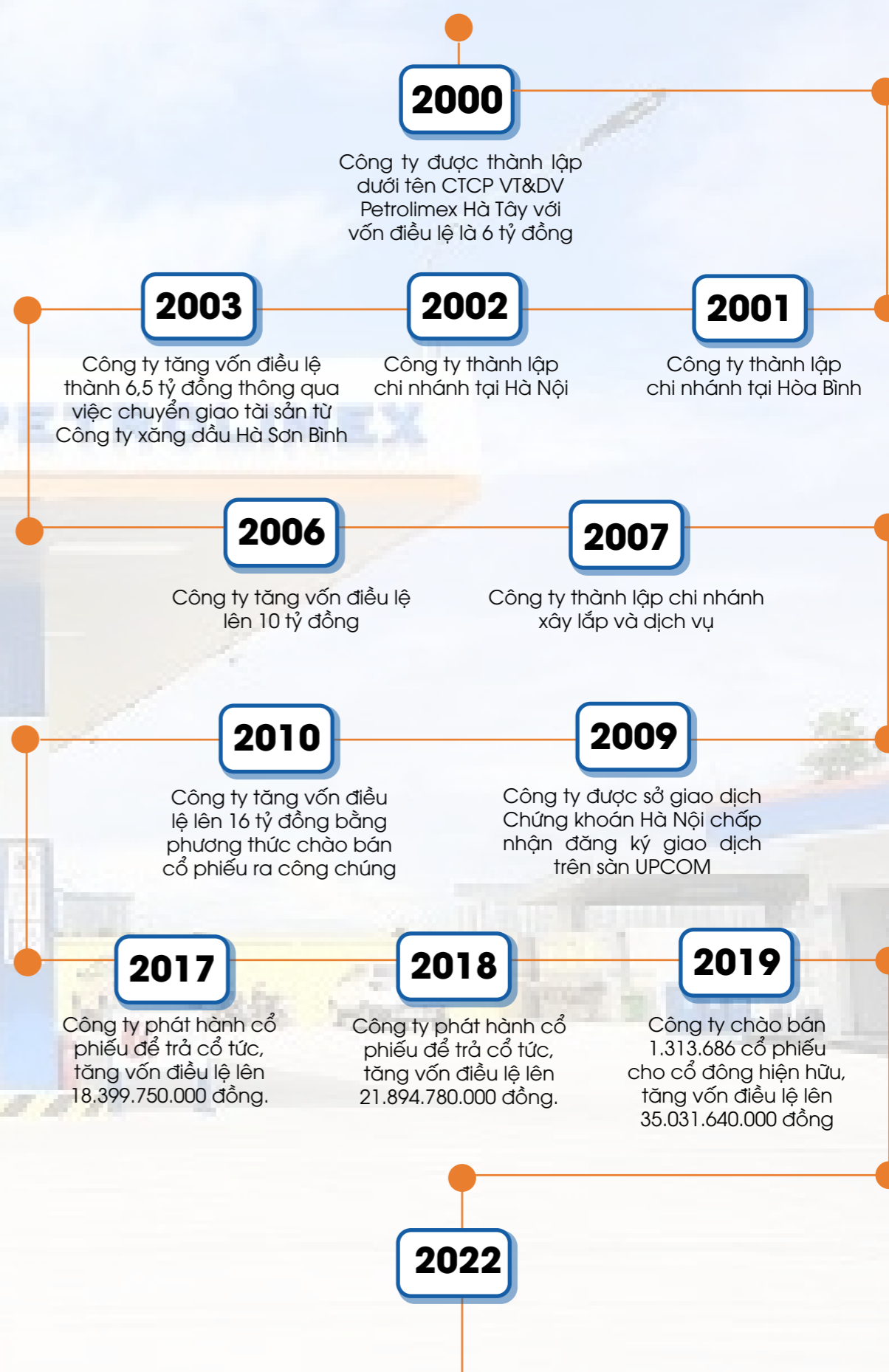
Website

ptshatay.petrolimex.com.vn/

Logo



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

KINH DOANH VẬN TẢI XĂNG DẦU

Kinh doanh vận tải xăng dầu là hoạt động kinh doanh chính của PTS Hà Tây. Công ty thực hiện vận tải cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam, tại địa bàn Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.

Khi cần thiết, PTS Hà Tây còn hỗ trợ vận chuyển cho các Công ty Xăng dầu Bắc Thái, Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang, Thái Bình, v.v.

Ngoài ra, Công ty còn vận chuyển xăng dầu phục vụ nhu cầu vận chuyển cho nội bộ Công ty. Với năng lực vận tải tốt, hoạt động kinh doanh vận tải là hoạt động có hiệu quả của PTS Hà Tây và đóng góp cho 60% lợi nhuận của Công ty.



KINH DOANH XĂNG DẦU, DẦU MỠ NHỜN

Công ty PTS Hà Tây kinh doanh theo cơ chế của Petrolimex áp dụng đối với công ty cổ phần thành viên và lợi thế vận tải xăng dầu trên địa bàn Hà Nội và Hoà Bình, PTS Hà Tây đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn thông qua việc: Mở cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại địa bàn Hà Nội, Hoà Bình và kết hợp với các đại lý xăng dầu trên các địa bàn này.

KINH DOANH KHÁC

Công ty còn triển khai kinh doanh **xây lắp, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng cột bơm, vật tư phụ tùng** nhằm đáp ứng nhu cầu nội bộ và có sức cạnh tranh để vươn xa ra thị trường ngoài xã hội đặc biệt là các công ty xăng dầu trong và ngoài ngành.

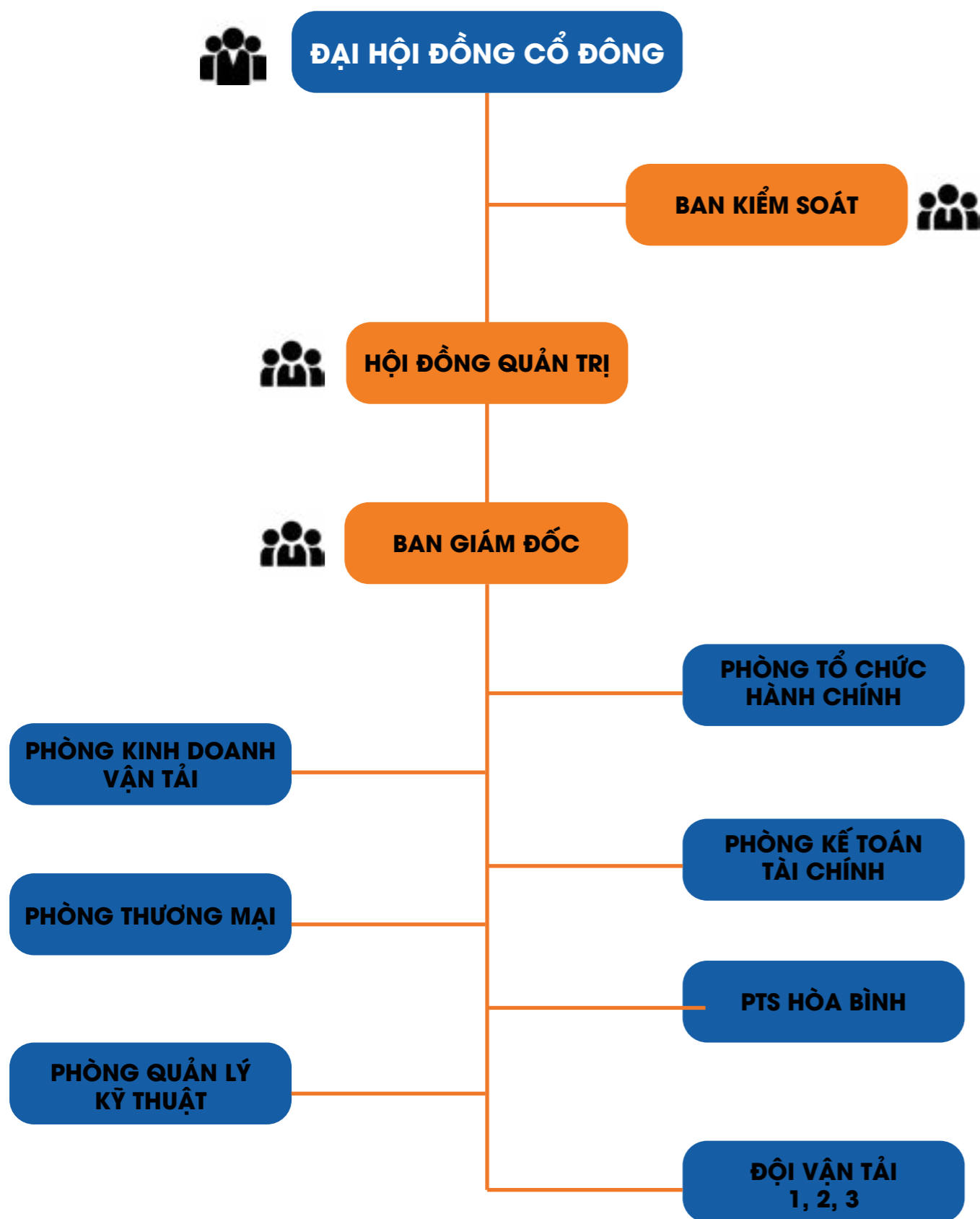


ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chủ yếu là các tỉnh, thành phố **Hà Nội** (địa bàn tỉnh Hà Tây cũ), **Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.**



THÔNG TIN BỘ MÁY QUẢN TRỊ



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Tự Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

05/1992 - 12/1993 : Nhân viên nghiệp vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/1994 - 12/1995 : Chuyên viên kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/1996 - 09/1996 : Phụ trách phòng KD XN XD K133 Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

10/1996 - 09/1999: Trưởng phòng KD XN XD K133 Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

10/1999 - 09/2000 : Trưởng phòng KD - XN Vận tải & Dịch vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

10/2000 - 12/2006: Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Kinh Doanh CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2007 - 04/2012: Ủy viên HĐQT - Phó giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2012 - 09/2015: Ủy viên HĐQT - Giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

10/2015 - 04/2016 : Chủ tịch HĐQT - Giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2016 - 03/03/2018 : Ủy viên HĐQT - Giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

03/03/2018 - 18/09/2020: Chủ tịch HĐQT - Giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

18/09/2020- nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Nguyễn Tử Bình

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Sinh năm: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kế hoạch

Quá trình công tác:

01/1995 - 12/1995: Nhân viên cửa hàng DMN - Gas Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/1996 - 12/1999 : Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/2000 - 11/2000: Chuyên viên Phòng kinh doanh CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

12/2000 - 12/2006 : Đội trưởng Vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2003: Ủy viên BKS CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2007 - 12/2010 : Ủy viên BKS - Trưởng phòng KD CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2011 - 18/09/2020: Ủy viên HĐQT Phó giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

18/09/2020- nay: Ủy viên HĐQT Giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Nguyễn Tiến Cường

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

09/1997 - 05/2000: Nhân viên bán xăng dầu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

06/2000 - 03/2003 : Đội phó Vận tải CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2003 - 07/2004: Ủy viên HĐQT Phó giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình

08/2004 - 12/2010: Ủy viên HĐQT Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình

01/2011 - 05/2013: ỦV HĐQT - PGĐ GD chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình

06/2013 - nay: ỦV HĐQT - PGĐ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Vũ Quang Tuấn

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán; Cử nhân Chính trị; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Kinh tế Chuyên ngành Thương Mại

Quá trình công tác:

1992 - 1996: Chuyên viên Kế toán, Kho xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

1996 - 1997: Phó trưởng phòng Kế toán, Xí nghiệp Xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

1997 - 1999 :Trưởng phòng Kế toán Tài chính, Xí nghiệp Xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

10/2000 : Trưởng Ban Kiểm soát PTS Hà Tây

2000 - 2005 : Phó phòng KTC CT xăng dầu Hà Sơn Bình

2006 - 2011: Trưởng phòng KTC Công Ty xăng dầu Hà Sơn Bình

2012 - 2013: Trưởng phòng Tổng hợp Ban Tài chính kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

01/04/2013 - 30/06/2014 : Kiểm soát viên các công ty CT khu vực 2, Tây Nam Bộ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An

2014 - 2015: Phó giám đốc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, Giám đốc Chi nhánh Xăng dầu Sơn La

2016 - 03/03/2018 : Chủ tịch CT Xăng dầu Hà Sơn Bình, Chủ tịch HĐQT PTS Hà Tây

03/03/2018 - nay: Chủ tịch Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, Ủy viên HĐQT PTS Hà Tây



Ông Bùi Trung Định

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

06/2001 - 03/2003: Nhân viên Đội vận tải CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2003 - 12/2006: Đội phó Đội vận tải CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2007- 12/2010: Đội trưởng Đội vận tải CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2011- 03/2011: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

03/2011 - 2017: Thành viên BKS CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

04/2017 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà Dương Tú Oanh

Trưởng ban Kiểm soát

Sinh năm: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

09/1993 - 12/1999: Công nhân xăng dầu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

01/2000 - 09/2000: Chuyên viên kế toán Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

10/2000 - 07/2002: Chuyên viên phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

08/2002 - 01/2006: Chuyên viên phụ trách kinh doanh, toán Chi nhánh CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội

02/2006 - 03/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội

04/2007 - 11/2013: Giám đốc Chi nhánh CTCP Vận tải và Du lịch Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội

12/2013 - nay: Phó giám đốc CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Ngô Ngọc Vĩnh

Thành viên BKS

Sinh năm: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Kinh tế ngành QTDN TM

Quá trình công tác:

01/1987 - 03/1993: Công nhân xí nghiệp in Tổng cục hậu cần

04/1993 - 07/1993: Bảo vệ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

08/1993 - 06/1994: Đi học nghiệp vụ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

07/1994 - 04/1996: Công nhân xăng dầu Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

05/1996 - 07/1996: Nhân viên bảo vệ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

08/1996 - 12/1999: Lái xe con Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

01/2000 - 11/2002: Lái xe con Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

12/2000 - 12/2004: Chuyên viên Phòng tổ chức hành chính Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2005 - 12/2006: Phó Phòng tổ chức hành chính Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

01/2007 - nay Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Ủy viên BKS Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây



Ông Hoàng Đức Điện

Thành viên BKS

Sinh năm: 1985

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí ô tô; Thạc sĩ quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

06/2008 - 06/2009: Cố vấn, Hino motor Việt Nam

07/2009 - 11/2018: Chuyên viên, PTS Hà Tây

12/2018 - nay: Phó phòng QLKT, PTS Hà Tây

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

**Ông Nguyễn Tử Bình**

Giám đốc (đã được nêu tại mục HĐQT)

Ông Nguyễn Tiến Cường

Phó Giám đốc (đã được nêu tại mục HĐQT)

Ông Đỗ Văn Định

Phó Giám đốc

Sinh năm: 1972

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

02/1993 - 06/1993: Chiến sỹ Đại đội trình sát vô tuyến điện C25 (công tác trong LL vũ trang)
 06/1993 - 02/1994: Học viên Trường kỹ thuật và Đào tạo lái xe 255 (công tác trong LL vũ trang)
 02/1994 - 12/1999: Thiếu úy Đại đội vận tải 25 - Sư đoàn 308 (công tác trong LL vũ trang)
 01/2000 - 01/2001: Nhân viên vận tải - Xí nghiệp vận tải và dịch vụ - Công ty XD Hà Sơn Bình
 01/2001 - 07/2003: Nhân viên vận tải, PTS Hà Tây
 07/2003 - 09/2007: Thủ kho, PTS Hà Tây
 09/2007 - 12/2008: Chuyên viên QLKT, PTS Hà Tây
 12/2008 - 06/2010: Đội phó Đội vận tải, PTS Hà Tây
 06/2010 - 01/2011: Đội phó ĐVT - Xưởng phó XSC, PTS Hà Tây
 01/2011 - 12/2013: Đội phó ĐVT - Xưởng trưởng XSC, PTS Hà Tây
 12/2013 - 12/2018: Bí thư chi bộ 2, Phó phòng QLKT - Xưởng trưởng XSC, PTS Hà Tây
 12/2018 - 06/2022: UVBCH Đảng bộ, Bí thư chi bộ 2, Trưởng phòng kinh doanh vận tải, PTS Hà Tây
 06/2022 - nay: UVBCH Đảng bộ, Bí thư chi bộ 2, Phó giám đốc, PTS Hà Tây

**Ông Lê Hồng Tá**

Phó Giám đốc

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

07/2003 - 10/2008: Trưởng tàu, Tàu dầu PTS 03 trực thuộc Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội.
 11/2008 - 12/2008: Chuyên viên, Phụ trách kinh doanh Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội.
 01/2009 - 06/2012: Phó giám đốc Chi nhánh PTS Hà Nội.
 07/2012 - 05/2013: Phó giám đốc chi nhánh, Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình
 06/2013 - 05/2022: Giám đốc chi nhánh, Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình
 06/2022 - nay: Phó giám đốc PTS Hà Tây, kiêm Giám đốc chi nhánh PTS Hòa Bình

**Bà Ngô Thị Vui**

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

01/1994 - 12/1999: Nhân viên thống kê kế toán, Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
 01/2000 - 09/2000: Nhân viên KTTTC, Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
 10/2000 - 03/2007: Chuyên viên phòng KTTTC, CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
 04/2007 - 04/2016: Phó phòng kế toán tài chính, CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
 05/2016 - nay: Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tiếp tục **đầu tư nâng cấp** và **mở rộng hệ thống** các kênh phân phối, cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phát triển mạng lưới các cửa hàng xăng dầu. Đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển xăng dầu cho các đơn vị trong và ngoài ngành bằng cách **nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện vận chuyển**. Luôn khẳng định và giữ vững vị thế thương hiệu Petrolimex bằng cách luôn **chú trọng công tác văn minh thương mại** và **giữ gìn uy tín thương hiệu** Petrolimex, thương hiệu công ty.



Tiếp tục **đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải** và thay thế các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng; tiếp tục triển khai để hoàn thiện **các thủ tục dự án đầu tư** của hàng bán lẻ xăng dầu. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn và vốn vay để **đảm bảo dòng tiền** cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.



Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, khách hàng, tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ; tổ chức tốt công tác vận tải để giảm giá thành; **gia tăng** sản lượng, năng suất lao động; **đẩy mạnh** phát triển kinh doanh hàng hóa khác.



CÁC RỦI RO CHÍNH

RỦI RO KINH TẾ

- **XUẤT NHẬP KHẨU:** Lũy kế năm 2022, Việt Nam đã chi gần 9 tỷ USD để nhập xấp xỉ 8,9 triệu tấn xăng dầu các loại, tăng gần 28% về lượng và 118,5% (tương đương gần 4,9 tỷ USD) so với năm 2021. Năm 2022 là năm biến động của thị trường xăng dầu trong nước. Nhiều lý do được Bộ Công Thương đưa ra giải thích cho việc thị trường nhiên liệu trong nước thiếu hàng cục bộ trong quý II và III, trong đó có nguyên nhân doanh nghiệp phải nhập hàng lúc giá cao, bán ra giá thấp và chi phí kinh doanh chưa kịp điều chỉnh khiến nhiều doanh nghiệp bị lỗ. Việc này dẫn tới tình trạng đầu mỗi xăng dầu cắt giảm chiết khấu (mức trích lại dành cho thương nhân phân phối, bán lẻ) và giảm lượng hàng bán ra.

Mặc dù Công ty không trực tiếp thực hiện hoạt động nhập, xuất nhưng sự biến động xuất nhập khẩu, cụ thể là nhập khẩu xăng dầu ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty bởi xăng dầu là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chiếm tỉ trọng lớn trong giá vốn của Công ty.

- **TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ:** Sau 2 năm dịch bệnh COVID -19 Chính phủ tập chung thực hiện "vừa phòng dịch, chống dịch, vừa phát triển kinh tế", năm 2022 vừa qua nền kinh tế phục hồi mạnh GDP tăng 8,02% lạm phát được kiềm chế theo mục tiêu đề ra, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, vận tải hàng hóa tăng 23,7%, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước đã phục hồi và tăng trở lại. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty, một doanh nghiệp vận tải và kinh doanh xăng dầu cũng sẽ bị ảnh hưởng đối với diễn biến bất ổn trong nền kinh tế.

- **LÃI SUẤT:** Do các dự án dầu khí đòi hỏi nguồn vốn lớn nên rủi ro về huy động vốn đối với doanh nghiệp cũng rất lớn. Vì vậy, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí đầu tư dự án. Trong bối cảnh nền kinh tế bắt đầu khôi phục sau đại dịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là công ty cổ phần, Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Luật Chứng khoán... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư vào các dự án mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp công ty hạn chế được những rủi ro này.

RỦI RO NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong hoạt động vận tải và kinh doanh xăng dầu, yếu tố chi phí đầu vào như chi phí xăng dầu có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận. Trong khi đó, phần lớn xăng dầu ở nước ta vẫn phải nhập khẩu. Trong thực tế, giá xăng dầu tăng mạnh đã làm chi phí vận chuyển xăng dầu tăng đáng kể, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chính sách thanh toán hợp lý với nhà cung cấp, đảm bảo không quá hạn hợp đồng. Để đảm bảo nguồn cung cấp ổn định.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bất khả kháng như đại dịch Covid-19, thiên tai, hỏa hoạn,... thường khó dự báo trước. Vì vậy Công ty luôn đề phòng và đảm bảo an toàn tối đa trong hoạt động kinh doanh sản phẩm.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và Nhân sự

Tình hình tài chính

Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

VỊ THẾ CÔNG TY TRONG NGÀNH

Năm 2022, với đội xe vận tải tương đương với năng lực vận tải là 61.671.241 M3km/năm, PTS Hà Tây là một đơn vị vận tải xăng dầu đường bộ lớn của Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex. Công ty chiếm thị phần lớn trong lĩnh vực vận tải xăng dầu tại khu vực Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La, Tây Bắc và một số vùng lân cận.

Điểm mạnh của PTS Hà Tây là năng lực vận tải lớn, hiện đại, chuyên nghiệp, cơ cấu phương tiện đa dạng đáp ứng nhu cầu vận chuyển mọi nơi về khối lượng, chất lượng phục vụ và tiến độ. Công ty đã áp dụng cơ chế khoán chi phí để giảm giá thành vận tải, khai thác tối đa năng lực vận tải của phương tiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên so với một số Công ty tư nhân ngoài ngành PTS Hà Tây còn phải cạnh tranh về giá thành vận tải.



KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO KẾ HOẠCH NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	TH/KH (%)
1	Sản lượng thực hiện				
	- Sản lượng vận tải bộ	m3.km	49.900.000	61.671.241	124
	- Sản lượng bán xăng dầu	m3	24.200	32.632	135
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	510.155	837.922	164,2
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.200	6.355	122,2
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.138	4.797	116

Trong năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đặt ra mục tiêu Doanh thu thuần là 510.155 triệu đồng và thực hiện đạt 837.922 triệu đồng, tương ứng 164,2% so với kế hoạch đặt ra. Cùng với đó Tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty đều vượt mức kế hoạch đặt ra lần lượt là 22,2% và 16%. Đây chính là những kết quả đáng biểu dương cho năm 2022 với những khó khăn chồng chất khó khăn mà toàn thể giới đang gánh chịu. Đặc biệt chú ý đến sản lượng thực hiện của Công ty: Sản lượng vận tải tăng 24% so với kế hoạch đặt ra và sản lượng bán xăng dầu tăng 35% so với kế hoạch đặt ra. Điều này cho thấy sự nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo và tập thể người lao động Công ty trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế phục hồi sau đại dịch.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2022	2021	2020	2019	2018	2022/2018(%)
Doanh thu thuần	837.922	466.486	424.060	625.860	924.856	-9,40%
Giá vốn hàng bán	776.761	414.385	374.810	569.238	870.448	-10,76%
Chi phí hoạt động	53.287	44.943	41.407	46.602	45.978	15,90%
Lợi nhuận trước thuế	6.356	5.902	4.650	5.818	5.414	17,39%
Lợi nhuận sau thuế	4.798	4.672	3.675	4.628	4.294	11,73%

Năm 2022 đã chứng kiến sự hồi phục của doanh nghiệp, mặc những khó khăn từ thị trường và nền kinh tế nói chung, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng mạnh gần 80% so với năm 2021. Tổng chi phí của PTS Hà Tây cũng có sự biến đổi, giá vốn hàng bán đạt 776.761 triệu đồng và chi phí hoạt động đạt 53.287 triệu đồng, lần lượt tăng tương ứng 87,45% và 18,56% so với năm liền trước.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

PTS Hà Tây đã xây dựng được nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có chuyên môn nghiệp vụ cao, giàu kinh nghiệm và tính sáng tạo. Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động của toàn bộ hệ thống, cụ thể:

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (người)	TỶ TRỌNG (%)
I	Theo trình độ lao động	243	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	68	27,98
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	21	8,64
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	152	62,55
4	Lao động phổ thông	2	0,82
II	Theo đối tượng lao động	243	100
1	Lao động trực tiếp	165	67,90
2	Lao động gián tiếp	78	32,10
III	Theo giới tính	243	100
1	Nam	170	69,96
2	Nữ	73	30,04
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	243	100
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	3	1,23
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	27	11,11
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	213	87,65
V	Theo cấp quản lý	243	100
1	Quản lý cấp cao	7	2,88
2	Quản lý cấp trung trưởng phó phòng, xưởng phó	21	8,64
3	Quản lý cấp chi nhánh, đội, CH trưởng, CH phó	0	0
4	Chuyên viên, nhân viên, công nhân	215	88,48
VI	Theo độ tuổi	243	100
1	Từ 18 đến 25 tuổi	4	1,65
2	Từ 26 đến 35 tuổi	50	20,58
3	Từ 36 đến 45 tuổi	109	44,86
4	Trên 45	80	32,92
TỔNG CỘNG		243	100

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, TUYỂN DỤNG

Tuyển dụng: Công ty tuyển chọn kỹ càng nhân viên nhằm đáp ứng được năng lực chuyên môn và kinh nghiệm theo yêu cầu công việc. PTS Hà Tây còn chú trọng thu hút người lao động có trình độ, kỹ năng, có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Đào tạo: Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm cử cán bộ tham gia các khóa học và các lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp. Đồng thời Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học để nâng cao trình độ nếu có nguyện vọng.

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Thời gian làm việc đối với khối văn phòng Công ty, chi nhánh là 8h/ngày, 5 ngày/tuần và nghỉ trưa 1h, được nghỉ vào ngày thứ 7 và chủ nhật, nhưng khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi và đãi ngộ theo quy định của Nhà nước đối với người lao động.

Đối với lao động trực tiếp: Nhân viên bán xăng dầu, bảo vệ: Làm việc theo ca, kíp, giờ làm theo ca của một người không quá 48 giờ, số ngày làm việc không quá 5 ngày/tuần.

Lái xe vận chuyển xăng dầu, công nhân sửa chữa, xây dựng: Tùy theo tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và quy định về khoán sản phẩm, do Thủ trưởng đơn vị quy định thời gian làm việc nhưng không quá 5 ngày/tuần.

Điều kiện làm việc: Nhà xưởng, văn phòng làm việc được thiết kế thoáng mát, kang trang, hiện đại. Lực lượng lao động được trực tiếp trang bị đầy đủ đồ bảo hộ, học cách thức vệ sinh và nguyên tắc an toàn lao động nghiêm ngặt của Chính phủ.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG

Chính sách lương: Đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước. Mức lương bình quân của Công ty không thấp hơn mức lương bình quân của các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực; và phân phối tiền lương theo lao động.

Chính sách thưởng: Hàng quý, hàng năm PTS Hà Tây đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Việc xét thưởng được căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc tiết kiệm chi phí, phương pháp tổ chức kinh doanh hiệu quả. Công ty cũng tuân thủ quy định về xử lý, kỷ luật đối với cá nhân có hành vi gây thiệt hại tới tình hình sản xuất kinh doanh và hình ảnh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp được PTS Hà Tây nộp cho Nhà nước theo quy định hiện hành. Công ty cũng bảo đảm chế độ xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động,... Vào các ngày lễ trong năm. Công ty thường tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho cán bộ công nhân viên toàn doanh nghiệp.

PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG THEO LAO ĐỘNG

Lao động lái xe Đội vận tải: Thu nhập của lao động trong lĩnh vực này được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính. Tính theo năng suất lao động, cụ thể là được tính theo đơn giá khoán tiền lương (đồng/ m3 km vận chuyển).

Lao động xăng dầu: Thu nhập của lao động trong lĩnh vực này bao gồm tiền lương cố định theo quy định của Bộ Tài chính và lương theo sản lượng bán, cụ thể là được tính theo đơn giá khoán tiền lương (đồng/ lít).

Lao động văn phòng và lao động gián tiếp Đội vận tải: Tiền lương của lao động văn phòng được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính và hưởng từ nguồn lương kinh doanh vận tải.

Lao động bảo vệ: Được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính trong tổng nguồn được Công ty khoán trọn gói hàng tháng, nguồn lấy từ nguồn lương kinh doanh vận tải

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trong năm 2022, các kết quả kinh doanh của Công ty có dấu hiệu tích cực. Doanh thu thuần và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đều tăng so với năm 2021, cụ thể là 79,62% và 20,92%.

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	% TĂNG, GIẢM
Tổng giá trị tài sản	124.195	102.576	87.641	87.656	18,63%
Doanh thu thuần	625.860	424.060	466.486	837.922	79,62%
Lợi nhuận từ HĐKD	5.342	4.506	4.878	5.841	20,92%
Lợi nhuận khác	476	144	1.072	515	-51,94%
Lợi nhuận trước thuế	5.818	4.650	5.902	6.356	7,69%
Lợi nhuận sau thuế	4.628	3.675	4.672	4.798	2,68%

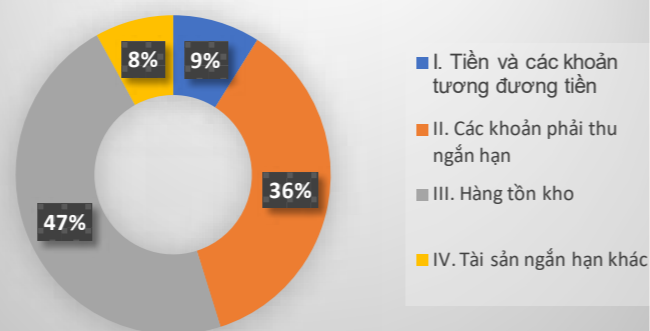
So với năm 2022, tài sản của công ty tăng không đáng kể, trong đó Tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao qua các năm và không có sự thay đổi lớn, lần lượt là 77% và 73% năm 2021 và 2022.

TỶ TRỌNG	NĂM 2022	NĂM 2021
Tài sản ngắn hạn	27%	23%
Tài sản dài hạn	73%	77%

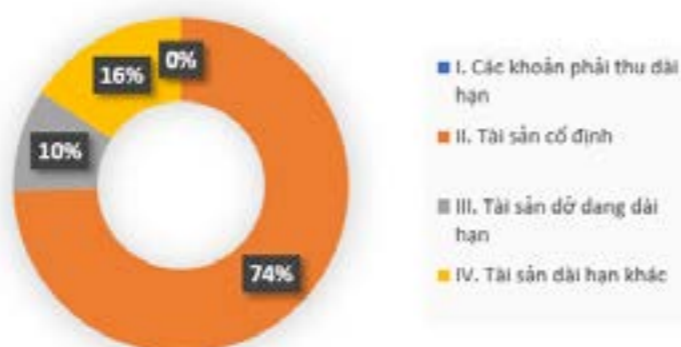
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền tăng so với năm trước đó nhưng cũng chỉ chiếm 9% trong cơ cấu. Hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác tăng, lần lượt chiếm 46,8% và 8% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định giảm 18% so với năm 2021 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản dài hạn Công ty.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn 2022



Cơ cấu tài sản dài hạn 2022



Đối với cơ cấu nguồn vốn của Công ty, năm 2022 nợ phải trả của công ty không có nhiều thay đổi so với năm 2021 cả về giá trị và tỷ trọng trong tổng nguồn vốn. Tuy vậy, trong năm 2022 có sự tăng mạnh tỷ trọng phải trả người bán ngắn hạn và phải trả người lao động so với năm 2021, theo đó vay và nợ tài chính ngắn hạn giảm một nửa so với năm 2021.

TỶ TRỌNG	NĂM 2022	NĂM 2021
Nợ phải trả	41%	41%
Vốn chủ sở hữu	59%	59%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	2022	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,01	0,92
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,5	0,45
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	41,00	41,56
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	71,00	71,10
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	42,50	41,56
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	9,60	4,90
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,6	1,00
Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROE)	%	9,3	9,1
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	5,5	5,3
Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	0,7	1,04

Hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 Công ty thực hiện tương đối tốt nghĩa vụ thanh toán và luôn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2022 tương đương so với năm 2021, cụ thể: Hệ số nợ/tổng tài sản lần lượt chiếm 41,00% và 41,56% năm 2022 và 2021; Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu chiếm 71,00% và 71,10% năm 2022 và 2021. Điều đó thể hiện Công ty kiểm soát tốt mức độ rủi ro về tài chính, khả năng thanh toán gốc nợ vay dài hạn được duy trì ổn định so với năm 2021.

Vòng quay hàng tồn kho năm 2022 tăng nhẹ 0,92 vòng so với năm 2021. Thể hiện việc Công ty đang cố gắng kiểm soát tốt lượng vốn bỏ vào hàng tồn kho, tăng cường quản lý nhằm rút ngắn chu kỳ kinh doanh.

Chỉ số ROA và ROE tăng nhẹ, lần lượt là 0,2% và 0,2% so với năm trước, nguyên nhân do lợi nhuận sau thuế tăng nhờ công ty đã có chính sách khai thác kịp thời để tạo ra hiệu quả kinh tế.

CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	PTH
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết/đăng ký giao dịch	23/03/2010
Tổng số cổ phiếu lưu hành	3.503.164 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	3.503.164 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU/VĐL (%)
1	Cổ đông lớn	1.786.713	51%
2	Cổ đông khác	1.716.451	49%
	- Trong nước	1.716.451	49%
	- Nước ngoài	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
TỔNG CỘNG		3.503.164	100%

TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	SỐ CMND/ HỘ CHIẾU/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU /VĐL (%)
Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex	0108005532 Ngày cấp: 29/09/2017 Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội	229, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	1.786.713	51%

LỊCH SỬ TĂNG VỐN



Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

TÌNH HÌNH CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2022



Nhìn chung cổ phiếu của công ty năm 2022 có nhiều biến động về giá cả và khối lượng tuy nhiên chủ yếu ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid chung trong năm.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Công tác đầu tư CSVCKT

Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

Công tác quản trị nội bộ

Công tác an toàn, PCCC, vảo vệ môi trường và an ninh xã hội

Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 và các giải pháp

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

Sau 2 năm dịch bệnh COVID -19 Chính phủ tập chung thực hiện “vừa phòng dịch, chống dịch, vừa phát triển kinh tế”, năm 2022 vừa qua nền kinh tế phục hồi mạnh GDP tăng 8,02% lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu đề ra, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, vận tải hàng hóa tăng 23,7%, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước đã phục hồi và tăng trở lại.

Năm 2022 chứng kiến diễn biến bất thường của thị trường xăng dầu thế giới và Việt Nam, khủng hoảng năng lượng toàn cầu do ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga và Ukraina, thị trường xăng dầu trong nước biến động rất lớn, giá xăng dầu 6 tháng đầu năm liên tục tăng, có thời điểm vượt mốc 30.000 đồng/lít, kết hợp với Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn phải cắt giảm công suất vì gặp khó khăn về tài chính đã khiến cho nguồn cung xăng dầu trong nước bị thiếu hụt và đẩy giá sản phẩm tăng mạnh. Nhiều đầu mối không thực hiện nhập khẩu đủ sản lượng Bộ Công Thương giao chỉ tiêu, các thời điểm biên độ tăng giá lớn, một số thương nhân đầu mối, TNPP và các cửa hàng xăng dầu ngoài xã hội hạn chế bán ra đã tạo ra áp lực rất lớn cho các cửa hàng của Petrolimex, sản lượng bán ra của các công ty xăng dầu tăng đột biến, nhu cầu vận tải cũng tăng cao.

Áp dụng theo Nghị định 95 từ 01/01/2022 giá xăng dầu trong nước liên tục được điều chỉnh 10 ngày một lần để bám sát và phù hợp với diễn biến giá xăng thế giới. Trong năm 2022 Liên bộ đã có 34 lần điều chỉnh giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu trong đó có 20 lần tăng giá và 14 lần giảm giá, việc tăng, giảm giá làm gián đoạn, đứt gãy nguồn cung ứng nhiên liệu đầu vào, vật tư, thiết bị. Áp lực lạm phát làm cho giá xăng dầu khó định đoạt.

1. Thuận lợi

- Được Tập đoàn/Tổng công ty quan tâm, tạo điều kiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giao nhiệm vụ vận chuyển xăng dầu ổn định với 100% thị phần bán lẻ xăng dầu cho Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình, Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh và 60% cho Công ty xăng dầu Điện Biên.

- Nền kinh tế đã phục hồi sau Covid 19, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dần trở lại bình thường, nhu cầu giao thương đi lại, du lịch được phục hồi, kéo theo nhu cầu về tiêu thụ xăng dầu cũng như về dịch vụ vận tải gia tăng mạnh mẽ, đặc biệt về cuối năm 2022.

- Trong 6 tháng đầu năm giá xăng dầu liên tục được điều chỉnh tăng. Công ty đã thực hiện tốt công tác dự báo tại các chu kỳ điều hành giá để đảm bảo hàng tồn kho ổn định chi phí nhiên liệu trong kinh doanh vận tải và có lợi nhuận chênh lệch hàng tồn kho trong kinh doanh xăng dầu.

- Những bất ổn của thị trường xăng dầu dẫn đến tình trạng một số doanh nghiệp thiếu nguồn cung hoặc chủ động tạm dừng bán hàng để giảm lỗ, nhu cầu dồn về Petrolimex khiến cho sản lượng tiêu thụ của Tập đoàn tăng mạnh trên

tất cả các kênh bán hàng, đặc biệt là bán lẻ trực tiếp, đi đôi với đó là nhu cầu vận tải xăng dầu tăng cao.

- Trong năm 2022, các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh xăng dầu, đặc biệt công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu xăng dầu được đẩy mạnh đã hạn chế được nhiều hiện tượng gian lận trong kinh doanh xăng dầu, giảm cạnh tranh không lành mạnh và có tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn nói chung và Tổng công ty cũng như PTS Hà Tây nói riêng.

2. Khó khăn

2.1. Trong hoạt động kinh doanh vận tải

- Giá xăng dầu tăng nhanh hơn các chu kỳ tăng cước vận tải, cùng với đó các chi phí đầu vào của hoạt động vận tải tăng so với cùng kỳ năm trước làm tăng giá thành và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh.

- Nguồn cung hàng hóa xăng dầu nhiều thời điểm bị đứt gãy dẫn đến tình trạng không đủ nguồn hàng để phân phối theo đường vận động bình thường. Tập đoàn phải điều động nguồn từ nhiều kho đầu mối kể cả các kho ở Quảng Ninh và Nghệ An để vận chuyển cho các cửa hàng bán lẻ và khách hàng, một chuyến hàng phải trả nhiều địa điểm làm phát sinh tăng chi phí vận chuyển, ảnh hưởng đến kết cấu xe təc gây rò rỉ mất an toàn, nhu cầu vận tải tăng cao dẫn đến khó khăn cho công tác điều vận. Công ty phải thuê thêm xe ngoài vận chuyển mới đáp ứng được nhu cầu khách hàng.

2.2. Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu

- Trong nước nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng trong khi nhà máy lọc dầu hoạt động chưa ổn định. Giá xăng dầu diễn biến phức tạp với mức tăng, giảm bất thường, nhiều đầu mối nhập khẩu xăng dầu bị lỗ không nhập về, nguồn hàng bị hạn chế, điều hành tồn kho gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc tạo nguồn trong kinh doanh xăng dầu, có thời điểm không đủ hàng để bán.

- Chính sách kinh doanh mới của Tập đoàn áp chế tài đơn hàng, yêu cầu lập kế hoạch đơn hàng chi tiết, cụ thể theo từng chu kỳ 10 ngày và không bù trừ giữa các kỳ đơn hàng gây khó khăn cho việc tạo nguồn và đảm bảo được lượng nhập tối ưu cho các CHXD.

- Từ 01/7/2022 đến 30/11/2022 lãi gộp Tập đoàn giao rất thấp, không ổn định, không đủ bù đắp chi phí cho các CHXD hoạt động cụ thể: Từ 01/7/2022 đến 10/7/2022 lãi gộp 50đ/lít, từ 11/7 đến 11/9/2022 lãi gộp 250đ/lít, từ 12/9/2022 đến 30/11/2022 lãi gộp 450đ/lít đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh xăng dầu năm 2022. Bất lợi trên khiến cho kết quả lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng đề ra mặc dù Công ty đã triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp.

- Công tác đầu tư CHXD vẫn gặp rất nhiều khó khăn do các thủ tục, quy trình quản lý của Nhà nước và các Bộ, Ngành phức tạp.

2.3. Kinh doanh hàng hóa khác

- Hoạt động kinh doanh hàng hóa khác bị cạnh tranh chủ yếu bằng giá và cơ chế. Giá bán mặt hàng GAS, DMN Petrolimex so sánh trên thị trường còn cao. Dịch vụ bảo hiểm cạnh tranh quyết liệt về chiết khấu, hỗ trợ bán hàng, bán qua các APP với khuyến mại lớn.

- Cùng với đó, người lao động chưa chuyên sâu, chưa chủ động khai thác thị trường. Các sản phẩm kinh doanh tổng hợp phải cạnh tranh giữa các thương hiệu lớn uy tín trên thị trường, trong khi đó chiến lược Marketing, quảng bá, xây dựng các thương hiệu của nhà cung cấp chưa linh hoạt, cơ chế bán hàng chưa đủ sức cạnh tranh, việc thực hiện bồi thường bảo hiểm chưa kịp thời, khó thuyết phục khách hàng nên kinh doanh tổng hợp hàng hóa khác không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH (%)	
					CÙNG KỶ	KẾ HOẠCH
1	Sản lượng thực hiện					
	- Sản lượng vận tải bộ	m3.km	47.868.108	61.671.241	129	124
	- Sản lượng bán xăng dầu	m3	23.448	32.632	139,2	135
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	466.486	837.922	179,6	164,2
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.902	6.355	107,7	122,2
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.672	4.797	102,7	116
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	4.135	10.010	242	30,6

1. KINH DOANH VẬN TẢI

- a) Tổng sản lượng vận tải năm 2022: 61.761.241 m3.km L15 (62,5 triệu m3.km Lít TT) bằng 124% kế hoạch và 129% so với TH năm 2021. Trong đó:
- SL vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình đạt 34.091.671 m3.km, bằng 122% kế hoạch và 129% cùng kỳ;
 - SL vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Điện Biên đạt 17.630.669 m3.km, bằng 133% kế hoạch và 138% cùng kỳ;
 - SL vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh đạt 7.169.052 m3.km, bằng 117% kế hoạch và 121% cùng kỳ.
 - SL vận chuyển nội bộ Công ty, khác là 2.828.635 m3.km, bằng 111% kế hoạch và 111% cùng kỳ.



b) Doanh thu và chi phí vận tải năm 2022:

- Tổng doanh thu: 138.302 triệu đồng, bằng 140% kế hoạch và 145% cùng kỳ;
- Đơn giá cước bình quân toàn Công ty: 2.239 đồng/m3.km
- Giá thành vận tải: 2.135 đồng/m3.km

c) Lợi nhuận vận tải trước thuế đạt 6.391 triệu đồng, bằng 220% kế hoạch và 254% cùng kỳ.

2. KINH DOANH XĂNG DẦU

- a) Tổng sản lượng bán năm 2022: 32.632 m3, bằng 135% kế hoạch và 139% cùng kỳ. Trong đó:
- Bán lẻ, nội dụng: 28.258 m3, bằng 118% kế hoạch và 122% cùng kỳ;
 - Bán khác (bán buôn): 4.374 m3, tăng cao (kế hoạch là 300 m3 và cùng kỳ là 278 m3).

Trong 6 tháng cuối năm nhiều chu kỳ, hoạt động kinh doanh xăng dầu của các thương nhân đầu mối bị lỗi, nguồn cung bị đứt gãy các cửa hàng bán lẻ ngoài xã hội hạn chế bán ra, khách hàng dồn hết vào các cửa hàng của Petrolimex trong đó có Công ty, dẫn đến sản lượng bán lẻ tại các CHXD tăng đột biến, Công ty đã điều chỉnh lại kế hoạch để phản ánh đúng tình hình thực tế bán hàng tại các CHXD.

Các cửa hàng đã rất nỗ lực để tăng trưởng và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao:

- Văn phòng công ty các CHXD đều tăng trưởng cao so với cùng kỳ và có 5/7 cửa hàng vượt kế hoạch được giao.
- Chi nhánh PTS Hòa Bình đạt 121% kế hoạch và 116% cùng kỳ.

b) Doanh thu và chi phí kinh doanh xăng dầu:

- Tổng doanh thu: 693,6 tỷ đồng, bằng 172% kế hoạch và 190% cùng kỳ.

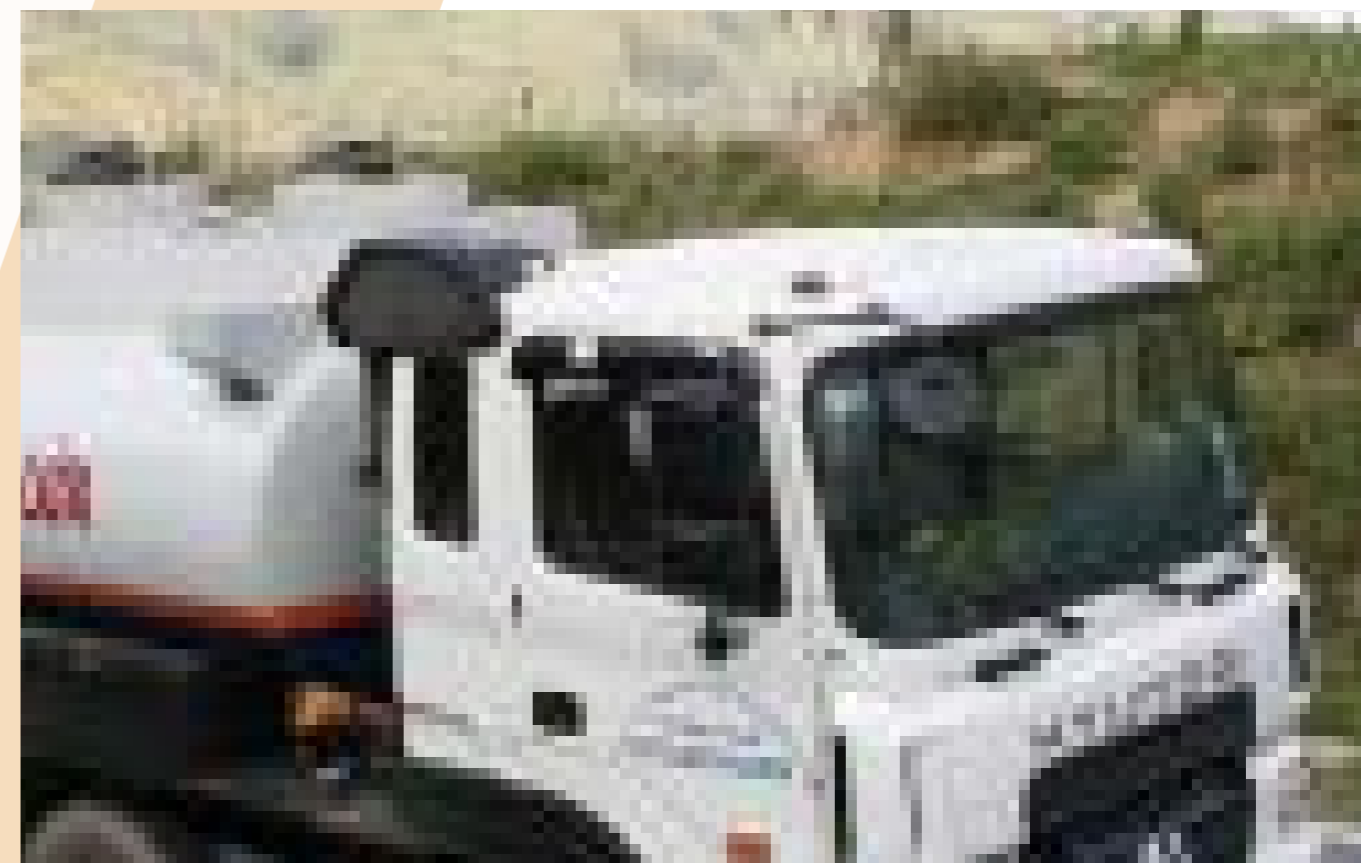
- Tổng lãi gộp: 25.784 triệu đồng, tương ứng lãi gộp bình quân 790đ/lít (bao gồm cả yếu tố giá vùng 2 và chênh lệch giá hàng tồn kho do tăng giảm giá). Trong đó lãi gộp bán lẻ là 598 đồng/lít.
- Tổng chi phí: 26.701 triệu đồng (chưa tính chi phí quản lý), tương ứng chi phí 818 đồng/lít. Trong đó chi phí bán lẻ là 933đ/lít.

c) Lợi nhuận xăng dầu trước thuế: -917 triệu đồng, bằng 0% kế hoạch và 0% cùng kỳ.

3. SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU KINH DOANH HÀNG HÓA KHÁC

- a) Sản lượng, doanh thu:
- Dầu mỡ nhờn: 94 m3, bằng 82% kế hoạch và 87% cùng kỳ
 - Gas: 14,8 tấn, bằng 114% kế hoạch và 109% cùng kỳ
 - Nước giặt: 3.685 hộp, bằng 88% kế hoạch và 93% cùng kỳ
 - Doanh thu bảo hiểm: 2.430 triệu đồng, bằng 93% kế hoạch và 93% cùng kỳ.

b) Lợi nhuận khác: 881 triệu đồng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Công ty thực hiện tốt công tác điều hành tài chính, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, đáp ứng kịp thời dòng tiền để phục vụ công tác kinh doanh xăng dầu, công tác đầu tư và mọi mặt hoạt động trong năm 2022. Chi phí tài chính là 2.037 triệu đồng giảm 291 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó lãi vượt định mức công nợ chỉ phát sinh là 190 triệu đồng (Văn phòng Công ty 53 triệu đồng, Chi nhánh PTS Hòa Bình 137 triệu đồng).

Năm 2022 Công ty đã chỉ đạo rất quyết liệt trong công tác đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng và đã đạt được kết quả tích cực: Chi nhánh PTS Hòa Bình đã thu 100% công nợ dây dưa của Công ty TNHH MTV Hùng Dũng 200 triệu đồng; Văn phòng Công ty thu của Công ty TNHH TM và XD Trung Sơn 35 triệu đồng, Công ty Cơ khí XD và PCCC là 66 triệu đồng.

Công ty đã thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ khách hàng khác đảm bảo an toàn tài chính.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2021	NĂM 2022	%
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	87.641	87.655	0%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	466.486	837.922	179,6%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	4.878	5.840	121%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.902	6.355	107,7%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.672	4.797	102,7%
6	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10%	10%	100%

1. Tình hình tài sản: Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2022 là 87.655 triệu đồng, không thay đổi so với năm 2021. Trong đó: Tài sản ngắn hạn tăng 3,67 tỷ; tài sản dài hạn giảm 3,62 tỷ.

2. Tình hình nợ phải trả: Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31.12.2022 là: 36.309 triệu đồng, giảm 110 triệu đồng, tương ứng giảm 0,3% so với năm 2021.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,41	0,41
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,71	0,71
Hệ số nợ ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,1	0

3. Tình hình nợ phải thu khách hàng: tại thời điểm 31.12.2022 là 7.982 triệu đồng, tăng 1.761 triệu đồng so với đầu năm chủ yếu là nợ phải thu cước vận tải nội bộ Tập đoàn của đơn vị không bù trừ công nợ mua hàng cuối tháng (Công ty XD Điện Biên, Công ty XD Hà Nam Ninh) do doanh thu cước vận tải tháng 12/2022 tăng cao so với tháng 12/2021.

4. Khả năng thanh toán

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022
Hệ số thanh toán nhanh	0,45	0,5
Hệ số thanh toán hiện hành	0,92	1,01

Hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 Công ty thực hiện tương đối tốt nghĩa vụ thanh toán và luôn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn.

5. Khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1	0,6
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	9,1	9,3
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	5,3	5,5
Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	1	0,7

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần năm 2022 thấp hơn so với thực hiện năm 2021 do yếu tố giá bán lẻ xăng dầu tăng cao trong khi lãi gộp Tập đoàn giao quá thấp so với năm 2021.

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE) năm 2022 cao hơn 0,2 lần so với thực hiện năm 2021

6. Những thay đổi về vốn cổ phần, cổ đông và cơ cấu vốn

Năm 2022, Vốn cổ đông, cổ phần và cơ cấu vốn không thay đổi

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ CSVCKT

DANH MỤC ĐẦU TƯ ĐÃ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN NĂM 2022

STT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KHỐI LƯỢNG TH	KH 2022	TH 2022	
	Tổng giá trị đầu tư		32.667	10.010	30,6
1	Xe ô tô sitec chở xăng dầu	01		3.044	
2	Đóng mới 01 bồn xe sitec	01		150	
3	Sửa chữa nâng cấp CHXD	01		965	
4	Trụ sở văn phòng Công ty	01	25.167		
5	Đền bù đất xây CHXD	01	7.500	5.851	78

Công ty đã thực hiện xong thủ tục đền bù đất, Công ty đang tiến hành các thủ tục xin UBND thành phố Hà Nội chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để xây dựng CHXD.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

a) Công tác tổ chức:

- Báo cáo Tổng công ty làm thủ tục phê duyệt người đại diện vốn giữ chức danh Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty và cử nhóm đại diện vốn của Công ty PTS Hà Tây để bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

- Quy hoạch cán bộ thuộc diện Hội đồng quản trị Công ty quản lý và cán bộ thuộc diện Giám đốc Công ty quản lý giai đoạn 2020-2026.

- Hoàn thành việc nhận xét, đánh giá cán bộ; kê khai tài sản, thu nhập năm 2022 theo quy định.

- Thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ như sau:

+ Bổ nhiệm lại 01 Phó giám đốc công ty, Trưởng phòng thương mại, Phó trưởng phòng thương mại và Phó trưởng phòng kinh doanh vận tải;

+ Bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc Công ty trong đó 01 Phó giám đốc công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh PTS Hoà Bình;

+ Bổ nhiệm Trưởng phòng kinh doanh vận tải Công ty;

+ Bổ nhiệm 01 Phó Trưởng phòng kinh doanh vận tải, 01 Phó Trưởng phòng thương mại Công ty, 01 Trưởng Đội vận tải số 3, 01 Phó Đội trưởng đội vận tải số 3, 01 Phó Đội trưởng đội vận tải số

2, 01 Phó Trưởng phòng KTTT chi nhánh PTS Hoà Bình;

- Công ty đã giải thể Xưởng sửa chữa ô tô kể từ ngày 01/01/2022 để phù hợp với tình hình thực tế trong sản xuất kinh doanh.

b) Tình hình lao động:

Công ty sử dụng lao động tại các đơn vị trong kế hoạch. Lao động thực tế sử dụng đến ngày 31/12/2022 là 243 người, bằng 95% kế hoạch và bằng 94% cùng kỳ.

c) Tiền lương và thu nhập:

- Thu nhập bình quân: 13,6 triệu đồng/người/tháng, bằng 132% kế hoạch và 121% cùng kỳ.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động.

- Trong điều kiện bất thường của xăng dầu thế giới và trong nước tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh xăng dầu của Công ty, nhưng Ban lãnh đạo Công ty vẫn duy trì việc làm, ổn định thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động. Qua đó, càng giúp người lao động thêm yên tâm gắn bó với đơn vị, góp phần ổn định tình hình sản xuất kinh doanh.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NỘI BỘ

- Công ty đã rà soát, bổ sung các Quy định quản trị nội bộ, ban hành Quy chế quản lý đầu tư, xây dựng, mua sắm và thanh lý tài sản; Ban hành quy định quản lý điều hành phương tiện vận tải từ 01/10/2022.

- Thường xuyên phân tích đánh giá và khảo sát để điều chỉnh sửa đổi các định mức, định ngạch chi phí vận tải cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục tổ chức lấy ý kiến khách hàng đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải trong quá trình vận chuyển giao nhận hàng giữa lái xe và khách hàng.

- Tiếp tục thực hiện thu phí tự động không dừng ETC và vé tháng qua trạm thu phí cho xe téc và xe ô tô con, tạo điều kiện thuận tiện hơn cho lái xe trong quá trình vận hành, quản lý chặt chẽ chi phí vé cầu đường, nâng cao hiệu quả kinh doanh vận tải.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao

động hợp lý, công tác đầu tư, chi phí cải tạo sửa chữa, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện an toàn kỹ thuật, an toàn PCCC, BVMT và an toàn VSLĐ cho CBCNV, lái xe toàn Công ty.

- Công ty đã triển khai thực hiện ứng dụng phần mềm quản lý văn bản E-Office từ tháng 5/2022.



CÔNG TÁC AN TOÀN, PCCC, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Nhiệm vụ đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh được đặt lên hàng đầu. Công ty luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị cơ sở tăng cường công tác an toàn: AT-VSLĐ, BVMT, PCCC, an toàn tiền hàng, thực hiện tốt các quy định, quy chế thông qua công tác tuyên truyền, kiểm tra và đào tạo.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất xe ô tô xi téc về công tác đảm bảo an toàn kỹ thuật, kết cấu xi téc và chấp hành các quy định của pháp luật, của Công ty; kiểm tra và cấp giấy phép đủ điều kiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy nổ đối với toàn bộ xe ô tô xitec. Các xe vận hành đều được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đúng quy định, qua đó thường xuyên theo dõi, kiểm tra giám sát và nhắc nhở lái xe chấp hành quy định Pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ tại các cửa hàng xăng dầu để chấn chỉnh công tác đảm bảo an toàn PCCC và bảo vệ môi trường, bổ sung hệ thống chống sét, dụng cụ PCCC; hoàn thiện hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định tại các đơn vị trong toàn Công ty gồm hợp đồng thu gom rác thải nguy hại, đo quan trắc môi trường định kỳ.

- Công ty đã tổ chức diễn tập công tác PCCC tại CHXD Đồng Mai nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành quy định của Pháp luật, nội quy quy chế và của Công ty, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty thường xuyên quán triệt đối với người lao động về việc chấp hành các quy định của Pháp luật đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, số các vụ việc tai nạn đã giảm nhiều.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

- Công ty thường xuyên tranh thủ ý kiến chỉ đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp với các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng tham gia chỉ đạo điều hành mọi mặt hoạt động của công ty để góp phần thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, đảm bảo tiền lương, thu nhập, đời sống, việc làm và các chế độ tốt nhất cho người lao động.

- Thực hiện an sinh xã hội năm 2022, Công ty đã chi để ủng hộ các quỹ, các cuộc vận động của tổ chức, đoàn thể với tổng số tiền là 620.000.000 đồng.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022 VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Năm 2023 được dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ giảm xuống, thị trường xăng dầu thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, các nguồn cung xăng dầu vẫn chưa ổn định.

Chính phủ chỉ đạo sửa đổi các quy định về kinh doanh xăng dầu để hoạt động đúng theo quy luật thị trường.

Các cơ quan chức năng sẽ tăng cường kiểm tra phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại trong công tác vận tải và kinh doanh xăng dầu.

Trên cơ sở dự báo tình hình, cùng với định hướng xây dựng kế hoạch của Tổng công ty, Công ty PTS Hà Tây đề ra những chỉ tiêu kế hoạch cơ bản và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho năm kế hoạch 2023 như sau:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA CÔNG TY

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2023	SỐ VỚI TH 2022(%)
1	Sản lượng kinh doanh chính			
1.1	Sản lượng vận tải bộ	m3.km	51.750	83%
1.2	Sản lượng bán xăng dầu	m3	27.000	83%
	- Bán lẻ		25.500	90%
	- Bán buôn, nhượng quyền		1.500	34%
1.3	Dầu mỡ nhờn	Tấn	100	106,4%
1.4	Nước giặt	Chai	3.900	105,8%
1.5	Bảo hiểm	Tr.đồng	2.600	107%
1.6	Gas	Tấn	15	102%
2	Doanh thu	Tr.đồng	626.305	75%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.500	87%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.368	91%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	100%
6	Tổng giá trị đầu tư trong kỳ	Tr.đồng	19.285	193%
7	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	8.000	96%
8	Số lượng lao động	Người	255	105%
9	Thu nhập BQ theo nguồn lương	Tr.đồng	11.425	86%
10	Tổng nguồn lương	Tr.đồng	33.590	88%



MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác an toàn

- Duy trì thường xuyên công tác tuyên truyền luật phòng, chống tác hại của rượu bia để toàn thể người lao động, đặc biệt là đội ngũ lái xe không uống rượu bia khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Tuyên truyền, giáo dục lái xe nâng cao kiến thức và kỹ năng lái xe an toàn, ý thức về đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao thông của người lái xe.

- Quán triệt lái xe tuyệt đối không vi phạm quy trình giao nhận vận chuyển hàng hoá từ kho đến các cửa hàng xăng dầu, đảm bảo chất lượng hàng hoá đi đường, thực hiện lưu mẫu khi nhập hàng, không nhập nhầm lẫn các mặt hàng xăng dầu và an toàn cháy nổ khi nhập hàng cho khách hàng và các cửa hàng của Công ty, không để dứt nguồn tại các cửa hàng. - Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, công tác an toàn tiền hàng, công tác bảo đảm an ninh, an toàn giao thông, an toàn tại các Cửa hàng xăng dầu.

- Rà soát những phương tiện không đảm bảo an toàn về kết cấu, động cơ, công nghệ, theo quy chuẩn của Nhà nước, tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo an toàn kỹ thuật cho phương tiện hoạt động.

2. Công tác kinh doanh

- Nâng cao năng lực ngoại giao, tổ chức tốt mối quan hệ với các Công ty xăng dầu, các kho đầu mối để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ tạo điều kiện trong kinh doanh.

- Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.

- Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu đảm bảo đáp ứng kịp thời nguồn hàng cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ.

- Đánh giá phân loại chất lượng phương tiện vận chuyển toàn Công ty để kiện toàn biên chế xe cho các Đội vận tải phù hợp với năng lực và nhu cầu vận chuyển của từng địa bàn. Nâng cao công tác điều vận khoa học, hợp lý hoá đường vận động hàng hoá, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả vận tải.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư, thanh lý các xe có dung tích nhỏ, cũ hay hỏng hóc chi phí sửa chữa lớn, đầu tư thay thế bằng các xe mới hiện đại dung tích lớn để giảm chi phí, tăng năng suất vận tải đáp ứng nhu cầu cho khách hàng.

- Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải

năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác dự báo, lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường các giải pháp tiếp thị, cơ chế bán hàng nhằm thu hút khách hàng ở cửa hàng. Đồng thời nâng cao văn minh thương mại phục vụ tốt khách hàng, thực hiện cơ chế thưởng khuyến khích đối với cửa hàng để gia tăng sản lượng bán lẻ, nâng cao năng suất lao động.

- Tiếp tục triển khai toàn bộ các cửa hàng của Công ty thực hiện đầy đủ nhận diện thương hiệu 100% theo tiêu chuẩn của Tập đoàn, thực hiện tốt 5S tại cửa hàng theo hướng dẫn của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành.

3. Công tác quản trị nội bộ

- Tiếp tục rà soát để bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, Tập đoàn và Tổng công ty.

- Triển khai công tác chuyển đổi số theo kế hoạch của Tập đoàn/Tổng công ty. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mà trước mắt là trả lương cho lao động lái xe trên phần mềm ERP, tiến tới thống nhất cách thức chi trả lương trong toàn Công ty.

- Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm của công nhân lái xe vận tải để đảm bảo an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và an toàn trong giao nhận hàng hóa, đặc biệt trong tình hình mới khi các tỉnh, thành phố cơ bản kiểm soát được dịch bệnh.

- Rà soát hoàn thiện bộ định mức, định ngạch quản lý vận tải và đơn giá khoán sửa chữa đảm bảo đồng bộ với định mức kinh tế kỹ thuật toàn Tổng công ty và sát với thực tế, thoả mãn hài hoà lợi ích giữa người lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở, nâng cao chất lượng công tác quản lý tại các CHXD, đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong hoạt động SXKD, đồng thời tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4. Công tác tài chính

- Sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn và vốn vay để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

- Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí tạm ứng. Cân đối nguồn vốn cho công tác đầu tư.

5. Công tác tiền lương

- Rà soát, sửa đổi quy chế trả lương, thưởng cho người lao động phù hợp với định hướng của Tổng công ty và tình hình thực tế năm 2023.

- Kiện toàn công tác cán bộ và lao động tại các Đội vận tải và một số đơn vị trực thuộc Công ty. Nâng cao chức năng, nhiệm vụ của đội vận tải trong công tác quản lý, điều hành hoạt động vận tải.

- Xây dựng phương án bổ sung lao động lái xe phụ lái cho các đội vận tải để đảm bảo an toàn con người và tài sản trong khai thác phương tiện vận tải khi nhu cầu tăng cao.

6. Công tác đầu tư

- Lập dự án xây dựng CHXD trên QL32, xã Đại Đồng, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội sau khi đã thực hiện xong việc giải phóng mặt bằng, đền bù đất trong năm 2022 để trình UBND thành phố phê duyệt dự án, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cho thuê đất và tiếp tục hoàn thiện các thủ tục xây dựng CHXD.

- Triển khai xây dựng trụ sở Văn phòng công ty. - Đầu tư phương tiện vận tải chuẩn bị hội nhập DOC.

- Cải tạo sửa chữa CHXD theo nhận diện thương hiệu mới Petrolimex và phù hợp về công nghệ để đáp ứng công tác quản trị của Tập đoàn/Tổng công ty.

7. Công tác kiểm tra

- Tổ chức kiểm tra công tác an toàn PCCN, AT-VSLĐ và BVMT; công tác phòng chống lũ lụt tại các cửa hàng xăng dầu, đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và tài sản;

- Tổ chức kiểm tra, xét nghiệm các chất gây nghiện đối với lao động lái xe. Xử lý nghiêm các lái xe biểu hiện nghiện ma túy, sử dụng các chất gây nghiện trong danh mục cấm sử dụng;

- Kiểm tra thực hiện văn minh thương mại và giữ gìn uy tín thương hiệu Petrolimex, thương hiệu Công ty, thực hiện mặc bảo hộ lao động, văn minh giao tiếp, chấp hành luật giao thông trên đường...Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển từ kho đến CHXD nhằm không ngừng nâng cao phong cách và chất lượng phục vụ của công nhân lái xe.

- Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra toàn diện mọi mặt hoạt động của Công ty trong năm.



Phần 05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- /42 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- /45 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc
- /46 Kế hoạch, định hướng của HĐQT
- /47 Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch, định hướng của HĐQT
Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị công ty trong năm 2022 đã tích cực, chủ động đưa nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nắm bắt cơ hội, vượt qua những khó khăn thách thức, để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Năm 2022 là một năm đầy sóng gió với kinh tế thế giới, từ các vấn đề về năng lượng cho tới lạm phát và lãi suất đặc biệt là lạm phát ở nhiều nước tăng vọt. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam khép lại năm 2022 với nhiều con số ấn tượng: GDP tăng 8,02%, FDI tăng 13,5%, CPI tăng 3,15% so với năm 2021.

Tình hình kinh doanh của Công ty tuy có bị ảnh hưởng nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, đúng hướng của HĐQT, kết thúc năm 2022 Công ty đã đạt được kết quả như mong muốn nhờ những thuận lợi sau:

THUẬN LỢI

- Được Tập đoàn/Tổng công ty giao thị trường vận tải ổn định. Quý 3,4/2022, giá xăng dầu thế giới biến động dị biệt, chi phí định mức trong cơ cấu giá bán lẻ xăng dầu trong nước thấp hơn nhiều so với giá nhập, kinh doanh xăng dầu lỗ nên các đầu mối kinh doanh xăng dầu khác không nhập hàng về, khách hàng dồn hết vào mua của Petrolimex, sản lượng bán xăng dầu của Petrolimex tăng đột biến dẫn đến nhu cầu vận tải cũng tăng. Sản lượng vận tải và sản lượng bán xăng dầu của Công ty cũng tăng đột biến trong quý 3,4/2022.



- Công ty chủ động bám sát diễn biến thị trường xăng dầu thế giới và trong nước, điều hành tốt nguồn hàng trong thời điểm biến động tăng/giảm giá để lãi gộp bình quân được tăng thêm so với mức lãi gộp Tổng công ty giao, bù đắp một phần khó khăn trong kinh doanh xăng dầu.

- Được Tập đoàn hỗ trợ nguồn vốn với lãi suất ưu đãi giúp Công ty chủ động và hiệu quả hơn trong công tác tài chính sử dụng dòng tiền trong kinh doanh. Mức lãi gộp bán lẻ xăng dầu 5 tháng đầu năm và tháng 12 đảm bảo bù đắp chi phí bán lẻ các cửa hàng.



KHÓ KHĂN

Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu

- Tập đoàn xác định lãi gộp bán lẻ định hướng xây dựng và giao kế hoạch năm 2022 là Xăng Ron 95-III: 868 đ/lít; Xăng E5 Ron 92-II: 1.068 đ/lít; Do 0,05S-II: 825 đ/lít. Tuy nhiên, từ tháng 6/2022 Tập đoàn điều chỉnh lãi gộp bán lẻ xăng dầu xuống mức quá thấp (thấp hơn nhiều so với lãi gộp định hướng) Công ty không bù đắp được chi phí bán hàng.
- Việc đầu tư xây dựng mới CHXD trên địa bàn Hà Nội rất khó khăn do các thủ tục phức tạp, chi phí thủ tục phát sinh rất lớn.
- Trong 6 tháng đầu năm, thực tế lãi gộp bình quân cho các mặt hàng là Xăng Ron 95-III: 676 đ/lít; Xăng E5 Ron 92-II: 755 đ/lít; Do 0,05S-II: 690 đ/lít, thấp hơn so với mức lãi gộp định hướng của Tập đoàn và Tổng công ty khi giao kế hoạch. Hơn nữa từ 1/7/2022 đến 30/11/2022 Tập đoàn điều chỉnh thù lao bán xăng dầu xuống mức quá thấp (mức thù lao chỉ 50 đ/lít đến 450 đ/lít), trong khi chi phí tối thiểu phát sinh tại CHXD bình quân (Chưa tính chi phí quản lý, lãi vay, hao hụt) là 776 đ/lít. Tính từ 01/7/2022 đến 30/11/2022 Công ty lỗ chi phí bán lẻ là: 5.398 triệu đồng.

Trước tình hình đó, HĐQT đã có nhiều giải pháp hiệu quả trong việc chỉ đạo công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, để hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong hoạt động kinh doanh vận tải

Do ảnh hưởng của chiến sự Nga - Ukraine, nguồn cung hàng hóa xăng dầu bị đứt gãy dẫn đến tình trạng không đủ nguồn hàng để phân phối. Các Công ty xăng dầu phải chỉ định Công ty lấy xăng dầu từ nhiều kho đầu mối của Tập đoàn để vận chuyển cho các cửa hàng và khách hàng của các Công ty xăng dầu, một chuyến hàng phải trả nhiều địa điểm khác nhau gây khó khăn cho công tác điều vận của Công ty, phát sinh tăng chi phí vận chuyển.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2022 như sau:

- Tổng sản lượng vận tải xăng dầu đạt 61,7 triệu m³.km Lit 15oC (62,5 triệu m³.km Lit TT) bằng 124% kế hoạch và 129% so với TH năm 2021, lý do sản lượng bán của các Công ty xăng dầu tăng đột biến.
- Tổng sản lượng bán xăng dầu đạt 32.632 m³ bằng 135% kế hoạch và 139% so với TH năm 2021. Trong đó bán lẻ là 28.258 m³ bằng 118% kế hoạch và 122% so với TH năm 2021.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 6.355 triệu đồng đạt 122,2% kế hoạch và 107,7% so với TH năm 2021. Lợi nhuận sau thuế là 4.797 triệu đồng bằng 116% kế hoạch và 102,7% so với thực hiện năm 2021.
- Thu nhập bình quân cho người lao động là 13.605.0000 đồng/người/tháng, tăng 21% so với năm 2021.
- Tổng giá trị đầu tư 10.010 triệu đồng.
- Tỷ lệ trả cổ tức 10% đạt 100% kế hoạch.
- Công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt hoạt động, tình hình tài chính lành mạnh.

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã đưa ra và triển khai nhiều giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức họp 05 phiên, tổ chức 04 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ. Một số công việc chính HĐQT đã thực hiện như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác trình Đại hội đồng cổ đông 2022 thông qua.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý và năm 2022.
- Chỉ đạo thực hiện trả cổ tức năm 2021 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.
- Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo định hướng phát triển kinh doanh, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, công tác đầu tư, áp dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP.
- Chỉ đạo các giải pháp để tiếp tục xin thủ tục tiếp tục đầu tư xây dựng mới của hàng xăng dầu.
- Chỉ đạo công tác tổ chức, cán bộ diện HĐQT công ty quản lý.
- Chỉ đạo tổ chức hội nghị hội nghị tổng kết công tác năm 2022 và hội nghị người lao động năm 2023.
- Chỉ đạo, định hướng công tác xây dựng kế hoạch năm 2023 và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiền lương, thù lao của HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Tổng tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT năm 2022 là 1.506,955 triệu đồng.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc và người quản lý, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động điều hành của Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc Công ty.

HQĐT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2020, quyết định những mục tiêu cụ thể và đề ra các chủ trương, định hướng và giải pháp trọng tâm để Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Trong năm 2022, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ. Nhiều mặt hoạt động của Công ty được đặc biệt quan tâm như: công tác đầu tư, sử dụng hợp lý chi phí; rà soát, ban hành kịp thời các định hướng kinh tế kỹ thuật; quản lý chặt chẽ công nợ, bảo đảm an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh...

Nhìn chung năm 2022, Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc và người quản lý Công ty đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT ghi nhận đánh giá cao những thành tích và kết quả điều hành sản xuất kinh doanh 2022 của Ban Giám đốc Công ty.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2022

1/ Ông Lê Tự Cường - Chủ tịch HĐQT: Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; năm 2022 đã cùng với tập thể HĐQT chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ/và Tổng công ty giao, bảo đảm an toàn về mọi mặt hoạt động; chấp hành tốt các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty thông qua các công việc nh: Chỉ đạo công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD; chỉ đạo công tác rà soát để ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật; sửa đổi, bổ sung và ban hành các Quy chế quản lý nội bộ; chỉ đạo và giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT; công tác tổ chức cán bộ; công tác tài chính; công tác đầu tư; chỉ đạo thực hiện các công việc khác theo đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2/ Ông Nguyễn Tử Bình - Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty: Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến đầy đủ các lần HĐQT công ty tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Hoàn thành tốt công việc chỉ đạo, điều hành hoạt động hằng ngày của công ty và các công việc được HĐQT phân công cụ thể nh: Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo hoạt động kinh doanh vận tải; phát triển thị trường vận tải; công tác an toàn; công tác thực hành tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí; các công việc khác do HĐQT phân công.

3/ Ông Vũ Quang Tuấn - Ủy viên HĐQT công ty: Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến đầy đủ các lần HĐQT công ty tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Hoàn thành tốt mọi chức trách nhiệm vụ được phân công, cụ thể: Trực tiếp chỉ đạo, giám sát hoạt động vận tải, kinh doanh xăng dầu giữa Công ty với Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình; hoàn thành các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.

4/ Ông Nguyễn Tiến Cường - Ủy viên HĐQT: Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến đầy đủ các lần HĐQT công ty tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ do HĐQT phân công, cụ thể: Trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác kinh doanh xăng dầu, kinh doanh các hàng hóa, sản phẩm dịch vụ khác của Petrolimex; công tác phát triển của hàng xăng dầu; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; hoàn thành các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.

5/ Ông Bùi Trung Định - Ủy viên HĐQT: Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến đầy đủ các lần HĐQT công ty tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản; hoàn thành các nhiệm vụ do HĐQT phân công. Theo dõi, giám sát thị phần vận tải Tổng công ty giao cho công ty vận chuyển; công tác phát triển thị trường vận tải; các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Tình hình kinh doanh của công ty năm 2023 dự báo không còn yếu tố bất thường làm tăng sản lượng bán xăng dầu và sản lượng vận tải như năm 2022. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - chính trị thế giới vẫn rất phức tạp ảnh hưởng lớn đến thị trường kinh doanh xăng dầu thế giới và trong nước; chi phí đầu vào kinh doanh vận tải phát sinh tăng do nhà nước tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực liên quan đến vận tải.

Xuất phát từ bối cảnh đó, HĐQT Công ty đề ra định hướng kế hoạch và giải pháp trọng tâm cho năm 2023 như sau:



**Sản lượng
vận tải xăng dầu**

51,7

triệu m³.km

tăng **83%** so với
thực hiện năm 2022

**Sản lượng
bán xăng dầu**

27.000

m³

Trong đó:
Bán lẻ 23.900 m³
Bán khác 1.500 m³

**Tổng lợi nhuận
trước thuế**

5.680

triệu đồng

tăng **9%** so với
thực hiện năm 2022

Trả cổ tức

10%

bằng **100%** so với
thực hiện năm 2022

**Tiền lương
bình quân**

11,4

triệu đồng/người/tháng

**Nợ ngân sách
nhà nước**

8.000

triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế

4.544
triệu đồng

Tổng giá trị đầu tư

19.285
triệu đồng

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM



Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh là mục tiêu hàng đầu, tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác bảo đảm an toàn giao thông, công tác an ninh, an toàn tại các CHXD và phương tiện vận tải xăng dầu;



Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD;



Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động SXKD, phát triển thị trường, khách hàng, tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ; tổ chức tốt công tác vận tải để giảm giá thành; gia tăng sản lượng, năng suất lao động; đẩy mạnh phát triển kinh doanh hàng hóa khác;



Chỉ đạo cơ cấu lại phương tiện vận tải cho phù hợp để nâng cao hiệu suất sử dụng phương tiện, tăng năng suất, hạ giá thành vận tải. Triển khai dự án đầu tư xây nhà văn phòng và thủ tục xin UBND TP Hà Nội chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên QL 32, xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội.;



Chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm soát

Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BGD

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CP PHỔ THÔNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	72.211	2,06%
2	Nguyễn Tử Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	76.147	2,17%
3	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	115.024	3,28%
4	Vũ Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	125.202	3,57%
5	Bùi Trung Định	Thành viên HĐQT	173.523	4,95%

Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty không có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã có 05 phiên họp tập trung và 04 lần hỏi ý kiến các thành viên HĐQT:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Lê Tự Cường	Chủ tịch	5/5	100%	
2	Nguyễn Tử Bình	Thành viên	5/5	100%	
3	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên	5/5	100%	
4	Vũ Quang Tuấn	Thành viên	5/5	100%	
5	Bùi Trung Định	Thành viên	5/5	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	154/NQ-HĐQT-PTSHT	21/01/2022	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 21/01/2022
2	155/QĐ-HĐQT-PTSHT	25/01/2022	Ban hành quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với NQL
3	156/QĐ-HĐQT-PTSHT	26/01/2022	Phê duyệt chủ trương thanh lý 01 xe ô tô sitec
4	157/QĐ-HĐQT-PTSHT	26/01/2022	Phê duyệt chủ trương, dự toán cải tạo, sửa chữa CHXD Tây Phong
5	158/QĐ-HĐQT-PTSHT	26/01/2022	Phê duyệt quyết toán gói thầu mua sắm lốp ô tô năm 2022
6	159/QĐ-HĐQT-PTSHT	26/01/2022	Ban hành quy định về thời gian khấu hao TSCĐ
7	160/QĐ-HĐQT-PTSHT	11/02/2022	Cử đoàn cán bộ đi công tác các tỉnh phía Nam
8	161/QĐ-HĐQT-PTSHT	15/02/2022	Khen thưởng tập thể, cá nhân
9	162/QĐ-HĐQT-PTSHT	07/03/2022	Ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc
10	163/QĐ-HĐQT-PTSHT	24/03/2022	Phê duyệt chủ trương và dự toán mua đất để xây dựng CHXD
11	164/QĐ-HĐQT-PTSHT	04/04/2022	Quyết định v/v nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí
12	165/NQ-HĐQT-PTSHT	07/04/2022	Phê duyệt công tác cán bộ
13	01/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ	07/4/2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
14	02/NQ-HĐQT	07/04/2022	Nghị quyết của HĐQT bầu chủ tịch HĐQT
15	03/QĐ-HĐQT-PTSHT	07/4/2022	Quyết định thôi giữ chức Phó giám đốc Công
16	04/QĐ-HĐQT-PTSHT	07/4/2022	Điều động và giao nhiệm vụ Phụ trách quản trị Công ty
17	05/NQ-HĐQT-PTSHT	12/4/2022	Phê duyệt công tác cán bộ
18	06/QĐ-HĐQT-PTSHT	12/4/2022	Bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty
19	07/QĐ-HĐQT-PTSHT	27/4/2022	Phê duyệt chủ trương bán thanh lý 01 xe ô tô sitec
20	08/NQ-HĐQT-PTSHT	25/4/2022	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 25.4.2022

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM (tiếp)

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
21	09/QĐ-HĐQT-PTSHT	28/4/2022	Phê duyệt kế hoạch năm 2022
22	10/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/4/2022	Quy định quyền, nghĩa vụ của người phụ trách
23	11/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/4/2022	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027
24	12/QĐ-HĐQT-PTSHT	09/5/2022	Thưởng cá nhân được nhận giấy khen của TD
25	13/QĐ-HĐQT-PTSHT	28/4/2022	Ban hành quy chế quản lý đầu tư, xây dựng, mua sắm và thanh lý tài sản của Công ty
26	15/QĐ-HĐQT-PTSHT	31/5/2022	Bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty
27	16/QĐ-HĐQT-PTSHT	31/5/2022	Bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty
28	18/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/6/2022	Bổ nhiệm trưởng phòng KDVT
29	19/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/6/2022	Phê duyệt quyết toán mua đất để XD CHXD
30	20/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/6/2022	Phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022
31	21/QĐ-HĐQT-PTSHT	30/6/2022	Quyết định nghỉ chế độ hưu trí đối với ông Bùi Văn Thường
32	22/QĐ-HĐQT-PTSHT	04/7/2022	Thành lập HĐ thẩm định kỹ thuật và định giá tài sản
33	23/QĐ-HĐQT-PTSHT	15/7/2022	Khen thưởng cá nhân được tặng giấy khen của
34	24/QĐ-HĐQT-PTSHT	08/8/2022	Phê duyệt chủ trương thanh lý xe ô tô đầu kéo
35	25/QĐ-HĐQT-PTSHT	08/8/2022	Phê duyệt chủ trương thanh lý xe ô tô 07 chỗ
36	26/QĐ-HĐQT-PTSHT	11/8/2022	Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở
37	27/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/9/2022	Xếp mức lương cơ bản đối với Người phụ trách quản trị Công ty
38	28/QĐ-HĐQT-PTSHT	29/9/2022	Bổ nhiệm lại TP TM Công ty
39	29/QĐ-HĐQT-PTSHT	06/10/2022	Phê duyệt quy hoạch cán bộ thuộc diện HĐQT quản lý
40	30/QĐ-HĐQT-PTSHT	06/10/2022	Sửa đổi Quy chế tuyển dụng lao động

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
41	31/NQ-HĐQT-PTSHT	01/11/2022	Nghị quyết phiên họp ĐQT ngày 01/11/2022
42	32/QĐ-HĐQT-PTSHT	02/11/2022	Phê duyệt chủ trương và dự toán đầu tư 01 xe sitec
43	33/QĐ-HĐQT-PTSHT	02/11/2022	Phê duyệt chủ trương và dự toán mua lớp ô tô sitec
44	34/QĐ-HĐQT-PTSHT	22/12/2022	Khen thưởng lao động tiên tiến năm 2022
45	35/NQ-HĐQT-PTSHT	29/12/2022	Nghị quyết phiên họp ngày 29/12/2022
46	36/QĐ-HĐQT-PTSHT	30/12/2022	Phê duyệt quyết toán gói thầu mua lớp ô tô sitec
47	37/QĐ-HĐQT-PTSHT	30/12/2022	Phê duyệt quyết toán đầu tư 01 xe sitec
48	38/QĐ-HĐQT-PTSHT	30/12/2022	Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng công ty

BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CP PHỔ THÔNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Dương Tú Oanh	Trưởng Ban kiểm soát	61,329	1,75%
2	Hoàng Đức Diệm	Thành viên Ban kiểm soát	1.653	0,05%
3	Ngô Ngọc Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	7.443	0,21%

BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm tài chính 2022, BKS đã hoạt động tốt với vai trò giám sát và khuyến nghị các thay đổi cần thiết trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, tăng cường các biện pháp giám sát, đảm bảo hoạt động tài chính của Công ty rõ ràng và minh bạch. Ban kiểm soát đã tiến hành họp 04 phiên trong năm 2022.

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Chu Đức Hậu	Trưởng ban	4/4	100%	100%	
2	Ngô Ngọc Vinh	Thành viên	4/4	100%	100%	
3	Trần Thị Nhung	Thành viên	4/4	100%	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Giám sát hoạt động của HĐQT

- + Năm 2022, HĐQT đã triển khai tích cực các nhiệm vụ được đại hội đồng cổ đông giao theo đúng định hướng của Công ty.
- + HĐQT đã tổ chức 5 phiên họp tập trung, có đầy đủ thành viên HĐQT tham gia. Các cuộc họp diễn ra nghiêm túc, các thành viên HĐQT đều tham gia ý kiến thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.
- + HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Công ty.

Hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc điều hành

- + Trong năm 2022, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT giao.
- + Ban Kiểm soát nhận thấy Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC QUẢN LÝ KHÁC

- + Thường xuyên trao đổi thông tin với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, điện thoại, email, văn bản. Mọi sự phối hợp luôn đảm bảo quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy định của Công ty và vì lợi ích chung của Công ty.
- + Ban kiểm soát đã tham gia đủ 4 cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- + Ban kiểm soát được HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

Năm 2022 phát sinh một số giao dịch mua bán cổ phiếu Công ty của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ như sau:



STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỶ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỶ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
			SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CP	TỶ LỆ	
1	Bùi Quốc Hoài	Chồng bà Dương Tú Oanh - PGĐ	19.398	0,55	48.298	1,37	Mua
2	Trần Mai Phương	Vợ ông Nguyễn Tử Bình - GD	76.147	2,17	165.385	4,72	Mua
3	Lê Tự Cường		65.643	1,87	72.221	2	Mua
4	Nguyễn Thị Quyên	Vợ ông Lê Tự Cường - CT HĐQT	6.568	0,19	0	0	Bán
5	Nguyễn Tiến Cường		86.232	2,5	115.024	3,28	Mua
6	Lê Thị Thu Hiền	Vợ ông Nguyễn Tiến Cường - PGĐ	28.792	0,82	0	0	Bán
7	Vũ Quang Tuấn		114.202	3,26	125.202	3,57	Mua
8	Lê Minh Nguyệt	Vợ ông Vũ Quang Tuấn - UV HĐQT	43.548	1,24	32.448	0,93	Bán

GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS, VÀ BGD

STT (1)	HỌ VÀ TÊN (2)	CHỨC DANH (3)	MỨC LƯƠNG/THÙ LAO CƠ BẢN BQ (triệu đồng/tháng) (4)	MỨC LƯƠNG/THÙ LAO THỰC HIỆN BQ (triệu đồng/tháng) (5)	SỐ THÁNG ĐƯỢC HƯỞNG (6)	TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO THỰC HIỆN (triệu đồng/tháng) (7) = (5)x(6)	THƯỜNG 1 THÁNG LƯƠNG/THÙ LAO (triệu đồng/tháng) (8)
I	Hội đồng quản trị					662,530	55,210
1	Lê Tự Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị	30,000	41,700	12	500,400	41,700
2	Vũ Quang Tuấn	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm	24,300	6,755	12	81,065	6,755
3	Bùi Trung Định	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm	24,300	6,755	12	81,065	6,755
II	Ban Kiểm Soát					535,028	44,585
1	Dương Tú Oanh	Trưởng BKS Chuyên trách	24,300	33,777	9	303,993	25,332
2	Chu Đức Hậu	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	24,300	33,777	3	101,331	8,444
3	Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm	19,440	5,404	12	64,852	5,404
4	Hoàng Đức Diện	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm	19,440	5,404	9	48,639	4,503
5	Trần Thị Nhung	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm	19,440	5,404	3	16,213	1,351
III	Ban Điều Hành					2.017,613	168,134
1	Nguyễn Tử Bình	Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/PGĐ	27,000	37,530	12	450,360	37,530
2	Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc	24,300	33,777	12	405,324	33,777
3	Bùi Văn Thường	Phó giám đốc	24,300	33,777	6	202,662	16,888
4	Đỗ Văn Định	Phó giám đốc	24,300	33,777	7	236,439	19,703
5	Lê Hồng Tá	Phó giám đốc	24,300	33,777	7	236,439	19,703
4	Dương Tú Oanh	Phó giám đốc	24,300	33,777	3	101,331	8,444
5	Ngô Thị Vui	Kế toán trưởng	23,085	32,088	12	385,058	32,088
TỔNG CỘNG						3.215,170	267,930

Phần **07**

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

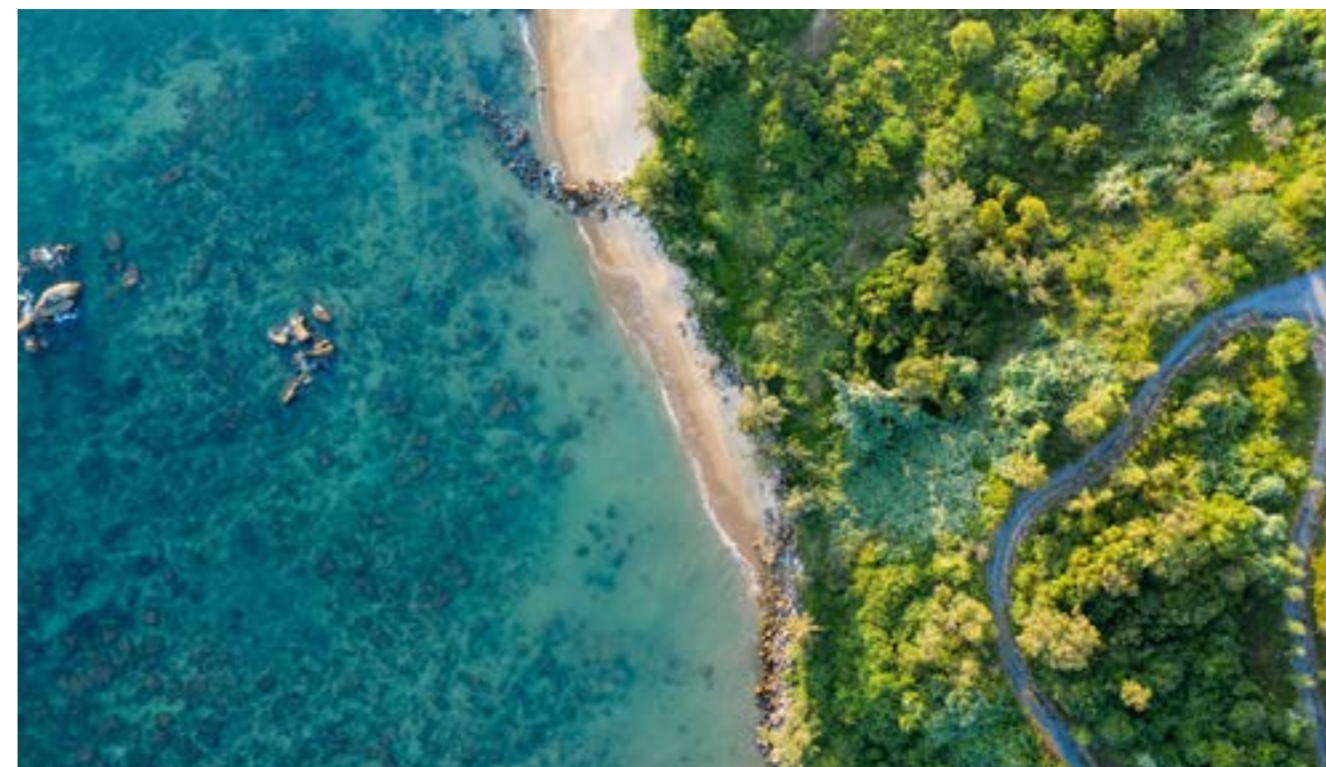
Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty tập trung trên hai lĩnh vực kinh doanh chính là Vận tải xăng dầu và Kinh doanh xăng dầu. Đó là mở rộng thị trường vận tải trong và ngoài nước, đồng thời đầu tư, nâng cấp, sửa chữa phương tiện vận tải và cửa hàng xăng dầu để tăng khả năng cạnh tranh. Bên cạnh đó không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các cổ đông của Công ty và luôn chú trọng quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

MỤC TIÊU CHUNG

Trong năm 2022, các phòng ban trong PTS Hà Tây dưới sự giám sát của Ban kiểm soát đã hoạt động đúng chế độ, chính sách của Nhà nước cũng như điều lệ, kỷ luật của Công ty. Với các doanh nghiệp, ngoài cân nhắc tối đa hóa lợi nhuận, việc tìm ra một lối đi mới nhằm thực hiện tốt trách nhiệm xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong đó những cam kết bảo vệ môi trường hiệu quả đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin của công chúng cũng như sự đồng thuận từ phía người dân và chính quyền các cấp. Trường hợp vi phạm của nhiều doanh nghiệp trong khoảng thời gian gần đây ở công tác xử lý chất thải trong quá trình sản xuất là bài học đắt giá về việc coi trọng lợi nhuận bất chấp hủy hoại môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của người dân cư trú gần khu công nghiệp. Hàng loạt các hệ lụy đáng tiếc sẽ không xảy ra nếu doanh nghiệp có ý thức sớm hơn trong việc đề cao trách nhiệm với môi trường và cộng đồng địa phương ngay khi bắt tay vào việc xây dựng tổ hợp sản xuất. Ý thức được điều đó, Công ty luôn đề cao trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng địa phương trong tiến trình phát triển của mình.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Trong những năm qua, Công ty luôn duy trì và tăng cường mối quan hệ giữa Công ty với các cơ quan ban ngành từ trung ương đến địa phương, tổ chức xã hội và đoàn thể trong cả nước. Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Công ty cũng đã luôn thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế của mình đối với Nhà nước. Kiến tạo tăng trưởng kinh tế thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người dân tại các địa phương, thanh toán thuế, chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng, quản lý tác động tới môi trường và xã hội.



PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ

PTS Hà Tây xác định con người đóng vai trò cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực Công ty tập trung vào việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp để thu hút nhân tài. Công ty luôn chăm đảm bảo cho người lao động công việc ổn định, tạo sự an toàn cho người lao động để gắn bó lâu dài. Nhân viên luôn được tôn trọng, lắng nghe và chia sẻ; mỗi nhân viên đều cảm nhận được mình là một mắt xích quan trọng trong một tập thể đoàn kết và vững mạnh. Mọi nỗ lực và thành quả của CBNV được công ty công nhận và khen thưởng kịp thời - đó là động lực rất lớn giúp nhân viên tìm thấy sự hứng khởi và sẵn sàng đón nhận những thách thức mới trong công việc.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bên cạnh việc duy trì sản xuất kinh doanh hiệu quả, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường.

- + Thực hiện công tác tuyên truyền công nhân công trường sử dụng vật tư, nhiên liệu, điện, nước một cách hiệu quả, tránh lãng phí.
- + Áp dụng nghiêm ngặt các quy trình bảo hộ lao động, quy trình giữ vệ sinh chung tại công trường theo quy định của Công ty.
- + Khuyến khích tái sử dụng văn phòng phẩm, tiết kiệm giấy in, tái sử dụng giấy một mặt...
- + Hạn chế in ấn các tài liệu nếu không thực sự cần thiết, tăng cường trao đổi công việc qua thư điện tử, các thiết bị công nghệ...
- + Tắt các thiết bị điện, điều hòa khi không còn tiếp tục sử dụng.

Trong năm 2022, công tác bảo vệ môi trường của Công ty không để xảy ra bất kỳ sự cố nào về môi trường và không có ghi nhận vi phạm pháp luật trong các đợt thanh kiểm tra của cơ quan chức năng các cấp.

Phần **08**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Cường	Thành viên
Ông Bùi Trung Định	Thành viên
Ông Nguyễn Tử Bình	Thành viên
Ông Vũ Quang Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tử Bình	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Bà Dương Tú Oanh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07/4/2022)
Ông Bùi Văn Thường	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/7/2022)
Ông Đỗ Văn Định	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/6/2022)
Ông Lê Hồng Tá	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/6/2022)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Lê Tự Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo Quyết định số 97/QĐ-HĐ-HĐQT-PTSHT ngày 18/9/2020 của Hội đồng quản trị về việc ban hành quy định về phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



Lê Tự Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Số: 21 /2023/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01/03/2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0388-2023-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Thị Thoa
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5264-2020-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.689.774.418	19.970.195.191
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.126.678.797	1.148.632.801
1. Tiền	111	5	2.126.678.797	1.148.632.801
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.564.671.737	7.241.972.529
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.982.505.770	6.221.828.636
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		95.789.588	676.449.949
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	486.376.379	343.693.944
III. Hàng tồn kho	140		11.092.269.476	10.181.142.759
1. Hàng tồn kho	141	8	11.092.269.476	10.181.142.759
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.906.154.408	1.398.447.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	1.411.762.034	1.360.255.059
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		494.392.374	38.192.043
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.965.923.636	67.670.825.550
I. Tài sản cố định	220		47.679.357.354	58.142.843.284
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	46.785.681.339	55.939.775.035
- Nguyên giá	222		151.976.147.644	152.446.507.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.190.466.305)	(96.506.732.319)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	893.676.015	2.203.068.249
- Nguyên giá	228		1.265.480.000	2.705.456.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(371.803.985)	(502.387.870)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.260.900.000	410.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	6.260.900.000	410.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.025.666.282	9.117.982.266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	10.025.666.282	9.117.982.266
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		87.655.698.054	87.641.020.741

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.309.504.780	36.419.822.639
I. Nợ ngắn hạn	310		23.441.863.252	21.780.051.939
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.273.784.374	1.578.106.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		70.554.477	27.682.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	724.508.936	610.344.300
4. Phải trả người lao động	314		6.708.918.238	3.712.733.034
5. Chi phí phải trả	315	15	69.589.629	1.704.494
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16.1	232.960.839	191.096.914
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.1	7.023.588.698	15.124.518.312
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		337.958.061	533.865.677
II. Nợ dài hạn	330		12.867.641.528	14.639.770.700
1. Phải trả dài hạn khác	337	16.2	-	14.639.770.700
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.2	12.867.641.528	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.346.193.274	51.221.198.102
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	51.346.193.274	51.221.198.102
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18a	35.031.640.000	35.031.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.031.640.000	35.031.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.051.082.000	1.051.082.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	10.465.846.218	10.465.846.218
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18b	4.797.625.056	4.672.629.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.797.625.056	4.672.629.884
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		87.655.698.054	87.641.020.741

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023
Chủ tịch Hội đồng quản trị




Lê Tự Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2022

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	837.922.222.466	466.485.998.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		837.922.222.466	466.485.998.636
4. Giá vốn hàng bán	11	21	776.761.922.656	414.385.691.488
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.160.299.810	52.100.307.148
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.422.008	2.356.959
7. Chi phí tài chính	22	23	2.037.174.303	2.328.945.250
- Trong đó: chi phí lãi vay		23	1.793.061.276	2.143.973.051
8. Chi phí bán hàng	25	24.1	22.556.482.974	20.615.594.211
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.2	30.730.443.717	24.327.859.419
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		5.840.620.824	4.830.265.227
11. Thu nhập khác	31	25	1.122.263.498	1.071.835.138
12. Chi phí khác	32	26	607.107.236	10
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		515.156.262	1.071.835.128
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.355.777.086	5.902.100.355
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.558.152.030	1.229.470.471
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.797.625.056	4.672.629.884
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.370	1.000

Người lập biểu


Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng


Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023
Chủ tịch Hội đồng quản trị


Lê Tự Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.355.777.086	5.902.100.355
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.901.933.569	13.707.944.795
- Các khoản dự phòng	03		-	(150.802.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(490.641.012)	(93.048.772)
- Chi phí lãi vay	06	23	1.793.061.276	2.143.973.051
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.560.130.919	21.510.167.429
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.778.899.539)	3.829.014.942
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(911.126.717)	(421.129.017)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.806.751.210)	(7.384.857.041)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		158.833.139	357.877.775
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.793.061.276)	(2.143.973.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	13	(1.460.768.947)	(1.015.334.921)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.365.373.500)	(628.597.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.602.982.869	14.103.169.116
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.010.692.631)	(4.135.587.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	25	1.089.539.866	690.665.454
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	4.422.008	2.317.759
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.916.730.757)	(3.442.604.060)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	26.644.039.321	11.768.625.334
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(21.877.327.407)	(18.920.360.490)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.474.918.030)	(2.771.583.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.291.793.884	(9.923.318.396)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		978.045.996	737.246.660
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.148.632.801	411.386.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	2.126.678.797	1.148.632.801

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2022.

Người lập biểu


Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng


Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023
Chủ tịch Hội đồng quản trị


Lê Tự Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, trụ sở đặt tại Km 17, Quốc lộ 6, Đông Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500387891 ngày 14/11/2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 14 ngày 26/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 35.031.640.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình	Xã Lâm Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hoá dầu

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp: các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và không đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Công ty tính khấu hao theo sản lượng đối với các xe mua bằng tiền vay từ cán bộ công nhân viên. Mức khấu hao được tính bằng 220đ/m³/km nhân (x) với sản lượng hàng tháng của từng xe.

Đối với một số tài sản vừa sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh vừa để cho thuê, Công ty chưa tách riêng phần cho thuê để trình bày ở chỉ tiêu bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm: phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp, phần mềm quản lý cửa hàng. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Cụ thể:

- Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 84 tháng kể từ khi phát sinh;
- Phần mềm quản lý các cửa hàng xăng dầu đã được khấu hao hết và còn sử dụng.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: tiền thuê đất; chi phí bảo hiểm các loại; chi phí thuê cửa hàng, cơ sở hạ tầng; chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán:

- Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải, hàng hóa, con người được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo số kỳ được bảo hiểm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

- Chi phí thuê cửa hàng, cơ sở hạ tầng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán là chi phí khoản sửa chữa phương tiện vận chuyển.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Trong kỳ, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/PTSHT-NQ-DHĐCD ngày 07/4/2022.

4.14 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động:

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán và cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lãi mua hàng chậm trả, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Lãi mua hàng chậm trả là khoản lãi phát sinh do mua hàng chậm thanh toán với Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC) được ghi nhận theo thông báo lãi hàng quý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao, cước vận chuyển hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).

4.18 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 14, 18, 20, 32.

5. TIỀN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	644.334.469	779.040.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.482.344.328	369.591.891
Cộng	2.126.678.797	1.148.632.801

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	7.982.505.770	6.221.828.636
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	6.137.880.511	4.590.249.809
Công ty Xăng dầu Điện Biên	4.932.048.290	3.597.191.563
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	1.205.832.221	993.058.246
Các khoản phải thu của khách hàng khác	1.844.625.259	1.631.578.827
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	6.278.496.946	4.685.240.121
Công ty Xăng dầu Điện Biên	4.932.048.290	3.597.191.563
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	1.205.832.221	993.058.246
Công ty Xăng dầu Thái Bình	1.292.312	-
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	139.324.123	94.990.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	486.376.379	-	343.693.944	-
Tạm ứng	-	-	85.000.000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	227.711	-	853.836	-
Phải thu khác	486.148.668	-	257.840.108	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	4.672.773.386	-	686.018.574	-
Hàng hóa	6.419.496.090	-	9.495.124.185	-
Cộng	11.092.269.476	-	10.181.142.759	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.439.976.119	1.265.480.000	2.705.456.119
Tăng trong năm	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	1.439.976.119	-	1.439.976.119
Giảm khác (*)	1.439.976.119	-	1.439.976.119
Số cuối năm	-	1.265.480.000	1.265.480.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	293.152.457	209.235.413	502.387.870
Tăng trong năm	28.799.532	162.568.572	191.368.104
Khấu hao trong năm	28.799.532	162.568.572	191.368.104
Giảm trong năm	321.951.989	-	321.951.989
Giảm khác (*)	321.951.989	-	321.951.989
Số cuối năm	-	371.803.985	371.803.985
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	1.146.823.662	1.056.244.587	2.203.068.249
Số cuối năm	-	893.676.015	893.676.015

(*) Điều chỉnh giảm nguyên giá và giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ vô hình.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 127.500.000 VND và tại ngày 31/12/2021 là 127.500.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	14.008.435.038	5.478.579.047	132.631.831.905	327.661.364	152.446.507.354
Tăng trong năm	965.303.001	-	3.194.489.630	-	4.159.792.631
Mua sắm	-	-	3.194.489.630	-	3.194.489.630
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	965.303.001	-	-	-	965.303.001
Giảm trong năm	-	-	4.630.152.341	-	4.630.152.341
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.630.152.341	-	4.630.152.341
Số cuối năm	14.973.738.039	5.478.579.047	131.196.169.194	327.661.364	151.976.147.644
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	12.505.463.501	3.963.144.962	79.710.462.492	327.661.364	96.506.732.319
Tăng trong năm	487.860.268	416.204.172	11.806.501.025	-	12.710.565.465
Khấu hao trong năm	487.860.268	416.204.172	11.806.501.025	-	12.710.565.465
Giảm trong năm	-	-	4.026.831.479	-	4.026.831.479
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.026.831.479	-	4.026.831.479
Số cuối năm	12.993.323.769	4.379.349.134	87.490.132.038	327.661.364	105.190.466.305
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	1.502.971.537	1.515.434.085	52.921.369.413	-	55.939.775.035
Số cuối năm	1.980.414.270	1.099.229.913	43.706.037.156	-	46.785.681.339

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 33.946.962.594 VND (tại ngày 31/12/2021 là 32.358.320.200 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Số đầu năm	410.000.000	2.598.181.818
Tăng trong năm	6.816.203.001	439.080.000
Xây dựng cơ bản	6.816.203.001	-
Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước năm 2020	-	410.000.000
Mua sắm	-	29.080.000
Giảm trong năm	965.303.001	2.627.261.818
Kết chuyển sang tài sản cố định	965.303.001	2.627.261.818
Số cuối năm (*)	6.260.900.000	410.000.000
(*) Chi tiết:		
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Cửa hàng Xăng dầu Đại Đồng, Thạch Thất	6.260.900.000	410.000.000
Cộng	6.260.900.000	410.000.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
12.1 Ngắn hạn	1.411.762.034	1.360.255.059
Chi phí bảo hiểm	1.166.192.626	1.179.997.956
Chi phí khác	245.569.408	180.257.103
12.2 Dài hạn	10.025.666.282	9.117.982.266
Chi phí thuê cửa hàng, cơ sở hạ tầng	4.569.984.829	5.401.439.381
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.258.829.076	3.716.542.885
Quyền sử dụng đất	1.118.024.130	-
Chi phí khác	1.078.828.247	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.890.083	5.933.586.414	5.939.963.015	2.513.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp	563.470.469	1.558.152.030	1.460.768.947	660.853.552
Thuế thu nhập cá nhân	37.983.748	524.577.840	501.419.686	61.141.902
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	219.272.131	219.272.131	-
Thuế, phí, lệ phí	-	254.604.457	254.604.457	-
Cộng	610.344.300	8.490.192.872	8.376.028.236	724.508.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	8.273.784.374	8.273.784.374	1.578.106.488	1.578.106.488
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	6.613.508.772	6.613.508.772	-	-
Các khoản phải trả đối tượng khác	1.660.275.602	1.660.275.602	1.578.106.488	1.578.106.488
Phải trả người bán là các bên liên quan	7.089.101.173	7.089.101.173	158.098.412	158.098.412
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	6.613.508.772	6.613.508.772	-	-
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	475.566.178	475.566.178	104.494.444	104.494.444
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	26.223	26.223	-	-
Công ty TNHH Hóa chất PTN	-	-	18.219.168	18.219.168
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	-	-	35.384.800	35.384.800

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	69.589.629	1.704.494
Trích trước tiền ăn ca của đội vận tải	69.589.629	-
Chi phí sửa chữa phương tiện vận chuyển	-	1.704.494

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
16.1 Ngắn hạn	232.960.839	191.096.914
Cổ tức phải trả	148.722.880	120.476.910
Nhận ký quỹ, ký cược	78.560.000	68.470.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.677.959	2.150.004
16.2 Dài hạn	-	14.639.770.700
Tiền đặt cọc của lái xe	-	14.639.770.700

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
17.1 Ngắn hạn	7.023.588.698	15.124.518.312
Các khoản vay	7.023.588.698	15.124.518.312
17.2 Dài hạn	12.867.641.528	-
Các khoản vay	12.867.641.528	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Các khoản vay

	01/01/2022		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	15.124.518.312	15.124.518.312	12.540.238.356	7.023.588.698
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (1)	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	-
Cá nhân (2)	10.124.518.312	10.124.518.312	2.540.238.356	7.023.588.698
Vay dài hạn	-	-	14.103.800.965	12.867.641.528
Cá nhân (3)	-	-	14.103.800.965	12.867.641.528
Cộng	15.124.518.312	15.124.518.312	26.644.039.321	19.891.230.226

(1) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất 5,5%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

(2) Khoản vay cá nhân với kỳ hạn từ 01 đến 06 tháng, lãi suất 0,583%/tháng, không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

(3) Các khoản vay cá nhân là tiền của người lao động cho Công ty vay theo hợp đồng cho vay giữa các cá nhân và Công ty:

Số tiền vay	: 13.613.435.954 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh
Lãi suất vay	: 7%/năm
Tài sản đảm bảo	: Không có
Thời hạn trả lãi vay	: Công ty tính lãi và thời điểm cuối quý và nhập gốc để tính lãi cho quý tiếp theo và Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo quy định
Số dư vay tại 31/12/2022	: 12.867.641.528 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	3.676.022.067	50.224.590.285
Tăng trong năm trước	-	-	-	4.672.629.884	4.672.629.884
Lãi trong năm	-	-	-	4.672.629.884	4.672.629.884
Giảm trong năm trước	-	-	-	3.676.022.067	3.676.022.067
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.676.022.067	3.676.022.067
Số đầu năm nay	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	4.672.629.884	51.221.198.102
Tăng trong năm nay	-	-	-	4.797.625.056	4.797.625.056
Lãi trong năm	-	-	-	4.797.625.056	4.797.625.056
Giảm trong năm nay	-	-	-	4.672.629.884	4.672.629.884
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.672.629.884	4.672.629.884
Số cuối năm nay	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	4.797.625.056	51.346.193.274

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty Dịch vụ	17.867.130.000	17.867.130.000	17.867.130.000	17.867.130.000
Xăng dầu Petrolimex	-	-	-	-
Các cổ đông khác	17.164.510.000	17.164.510.000	17.164.510.000	17.164.510.000
Cộng	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000

GAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu

Năm 2022 VND Năm 2021 VND

Số đầu năm	35.031.640.000	35.031.640.000
Tăng trong năm	-	-
Tăng bằng tiền	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	35.031.640.000	35.031.640.000

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Năm 2022 VND Năm 2021 VND

Số đầu năm	4.672.629.884	3.676.022.067
Tăng trong năm	4.797.625.056	4.672.629.884
Lãi trong năm	4.797.625.056	4.672.629.884
Giảm trong năm	4.672.629.884	3.676.022.067
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.672.629.884	3.676.022.067
Chia cổ tức bằng tiền	3.503.164.000	2.802.531.200
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.169.465.884	873.490.867
Số cuối năm	4.797.625.056	4.672.629.884

22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

c. Cổ phiếu

31/12/2022 Cổ phiếu 01/01/2022 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.503.164	3.503.164
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.503.164	3.503.164
Cổ phiếu phổ thông	3.503.164	3.503.164
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.503.164	3.503.164
Cổ phiếu phổ thông	3.503.164	3.503.164
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngoại tệ các loại

31/12/2022 01/01/2022

Đô la Mỹ (USD)	239,43	239,43
----------------	--------	--------

20. DOANH THU

Năm 2022 VND Năm 2021 VND

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	837.922.222.466	466.485.998.636
Doanh thu bán xăng dầu chính	693.606.146.503	365.014.221.229
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	4.134.364.625	4.548.637.231
Doanh thu bán hàng hóa khác	807.057.951	668.871.099
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	138.302.408.731	95.080.046.626
Doanh thu dịch vụ khác	1.072.244.656	1.174.222.451

Các khoản giảm trừ doanh thu

- -

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	837.922.222.466	466.485.998.636
---	-----------------	-----------------

Trong đó:

Doanh thu đối với các bên liên quan	135.812.946.795	92.699.652.353
Tổng Công ty Dịch vụ Xăng Dầu Petrolimex	69.332.633	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	-	220.535.067
Công ty Xăng dầu Điện Biên	40.200.905.521	26.398.275.572
Công ty Xăng dầu Thái Bình	4.786.732	4.589.858
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	2.188.671.354	1.433.358.855
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	75.764.307.627	51.633.607.909
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	17.584.942.928	13.009.285.092

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Năm 2022 VND Năm 2021 VND

Giá vốn của xăng dầu chính đã bán	667.822.262.464	337.378.915.487
Giá vốn của dầu mỡ nhờn đã bán	3.656.623.354	4.092.308.437
Giá vốn của hàng hóa khác đã bán	699.073.415	559.156.480
Giá vốn của dịch vụ vận tải đường bộ	104.346.599.797	72.201.328.357
Giá vốn của dịch vụ khác	237.363.626	153.982.727

Cộng

776.761.922.656 414.385.691.488

23

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	4.422.008	2.317.759
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	39.200
Cộng	4.422.008	2.356.959

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	1.793.061.276	2.143.973.051
Lãi mua hàng trả chậm	244.113.027	113.527.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	71.445.166
Cộng	2.037.174.303	2.328.945.250

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
24.1 Chi phí bán hàng	22.556.482.974	20.615.594.211
Chi phí nhân viên	11.495.599.170	10.234.818.613
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.060.883.804	10.380.775.598
24.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.730.443.717	24.327.859.419
Chi phí nhân viên	14.090.631.440	11.962.868.384
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.639.812.277	12.364.991.035

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.127.542.088	690.665.454
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	(603.320.862)	(599.934.441)
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(38.002.222)	(19.660.000)
Giá trị thu hồi từ vật tư phụ tùng, nguyên vật liệu không sử dụng thanh lý	108.340.000	-
Tiền bồi thường nhận được	524.500.000	-
Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước năm 2020	-	987.764.125
Các khoản khác	3.204.494	13.000.000
Cộng	1.122.263.498	1.071.835.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản bị phạt	213.273.654	-
Chi phí giá vốn vật tư phụ tùng, nguyên vật liệu không sử dụng thanh lý	161.132.574	-
Các khoản khác	232.701.008	10
Cộng	607.107.236	10

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.124.342.352	30.722.203.515
Chi phí nhân công	50.289.505.263	41.828.814.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.901.933.569	13.707.944.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.964.110.580	4.341.136.222
Chi phí bằng tiền khác	26.590.998.350	26.698.665.640
Cộng	157.870.890.114	117.298.764.713

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	6.355.777.086	5.902.100.355
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	378.902.454	135.252.000
Thu nhập của HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	165.628.800	135.252.000
Tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính về thuế	213.273.654	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	987.764.125
Điều chỉnh giảm chi phí các năm trước điều chỉnh tăng LN năm 2021 theo BB kiểm toán nhà nước	-	987.764.125
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	6.734.679.540	5.049.588.230
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (6)=(4)*(5)	1.346.935.908	1.009.917.646
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước vào chi phí của năm hiện hành (7)	211.216.122	219.552.825
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(6)+(7)	1.558.152.030	1.229.470.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	4.797.625.056	4.672.629.884
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	1.169.465.884
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	4.797.625.056	3.503.164.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.503.164	3.503.164
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	1.370	1.000

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2021 là do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/PTSHT-NQ-DHĐCĐ ngày 07/4/2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2022 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.19.

	Giá trị ghi số 31/12/2022 VND	Giá trị ghi số 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.126.678.797	1.148.632.801
Phải thu của khách hàng	7.982.505.770	6.221.828.636
Phải thu khác	486.148.668	257.840.108
Cộng	10.595.333.235	7.628.301.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	Giá trị ghi số 31/12/2022 VND	Giá trị ghi số 01/01/2022 VND
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	8.273.784.374	1.578.106.488
Chi phí phải trả	69.589.629	1.704.494
Phải trả khác	231.010.835	14.828.917.610
Vay và nợ thuê tài chính	19.891.230.226	15.124.518.312
Cộng	28.465.615.064	31.533.246.904

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ Đô la Mỹ (USD):

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính	5.431.574	5.431.574
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.431.574	5.431.574
Nợ tài chính	-	-
(Nợ)/tài sản tài chính thuần	5.431.574	5.431.574
Mức độ rủi ro tiền tệ	5.431.574	5.431.574

- *Rủi ro lãi suất*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Lãi suất của các khoản vay thay đổi theo biến động lãi suất của ngân hàng tại từng thời kỳ. Do vậy, Công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng.

Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá. Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2022		
Phải trả người bán	8.273.784.374	-
Chi phí phải trả	69.589.629	-
Phải trả khác	231.010.835	-
Vay và nợ thuê tài chính	7.023.588.698	12.867.641.528
Cộng	15.597.973.536	12.867.641.528
Tại 01/01/2022		
Phải trả người bán	1.578.106.488	-
Chi phí phải trả	1.704.494	-
Phải trả khác	189.146.910	14.639.770.700
Vay và nợ thuê tài chính	15.124.518.312	-
Cộng	16.893.476.204	14.639.770.700

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

32. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Công ty mẹ	776.061.995.566	392.586.329.189
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng Tập đoàn	3.681.204.241	4.521.896.830
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Cùng Tập đoàn	468.136.284	299.033.064
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng Tập đoàn	883.915.613	282.037.441
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Cùng Tập đoàn	6.834.157.776	4.422.266.387
Công ty TNHH hóa chất PTN	Cùng Tập đoàn	259.823.454	358.884.527
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng Tập đoàn	329.097.000	1.173.364.800
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Cùng Tập đoàn	925.954.600	-
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Cùng Tập đoàn	50.733.600	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	485.664.541	-
Lãi mua hàng chậm trả			
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Công ty mẹ	244.113.027	113.527.033
Bà Dương Tú Oanh	Nguyễn Phó Giám đốc		
Lãi vay nhập gốc		35.480.734	67.253.219
Trả tiền gốc, lãi vay		874.281.478	400.000.000
Cố tức đã trả			
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex		1.786.713.000	1.429.370.400
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị		746.359.600	663.884.000
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.876.058.150	1.587.611.954
Thu nhập của Ban Kiểm soát		1.109.138.685	897.218.849

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải, bộ phận kinh doanh xăng dầu và bộ phận khác.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận vận tải: cung cấp dịch vụ vận tải xăng dầu đường bộ;
- Bộ phận kinh doanh xăng dầu: kinh doanh xăng dầu chính;
- Bộ phận khác: bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản				
Tài sản cố định	43.931.595.595	3.434.675.553	313.086.206	47.679.357.354
Xây dựng cơ bản	-	6.260.900.000	-	6.260.900.000
Các khoản phải thu	7.324.831.228	1.095.197.857	144.642.652	8.564.671.737
Hàng tồn kho	4.466.063.386	4.518.423.535	2.107.782.555	11.092.269.476
Tài sản không phân bổ				14.058.499.487
Cộng				87.655.698.054
Nợ phải trả				
Các khoản phải trả	1.175.712.830	6.684.063.249	554.152.401	8.413.928.480
Các khoản vay	12.867.641.528	7.023.588.698	-	19.891.230.226
Nợ phải trả không phân bổ				8.004.346.074
Cộng				36.309.504.780

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2022

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	138.302.408.731	693.606.146.503	6.013.667.232	837.922.222.466
Giá vốn hàng bán	104.346.599.797	667.822.262.464	4.593.060.395	776.761.922.656
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	26.619.218.507	25.609.687.750	1.058.020.434	53.286.926.691
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	4.422.008	4.422.008
Chi phí tài chính	945.183.907	1.091.990.396	-	2.037.174.303
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.391.406.520	(917.794.107)	367.008.411	5.840.620.824
Lãi (lỗ) khác				515.156.262
Lợi nhuận trước thuế				6.355.777.086
Chi phí thuế TNDN				1.558.152.030
Lợi nhuận sau thuế				4.797.625.056

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 01/01/2022

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản				
Tài sản cố định	53.859.225.015	3.970.532.063	313.086.206	58.142.843.284
Xây dựng cơ bản	-	410.000.000	-	410.000.000
Các khoản phải thu	5.370.416.095	1.726.913.782	144.642.652	7.241.972.529
Hàng tồn kho	719.018.574	7.006.203.858	2.455.920.327	10.181.142.759
Tài sản không phân bổ				11.665.062.169
Cộng				87.641.020.741
Nợ phải trả				
Các khoản phải trả	903.879.758	27.682.720	191.183.612	1.122.746.090
Các khoản vay	-	15.124.518.312	-	15.124.518.312
Nợ phải trả không phân bổ				20.172.558.237
Cộng				36.419.822.639

30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2021

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	95.080.046.626	365.014.221.229	6.391.730.781	466.485.998.636
Giá vốn hàng bán	72.201.328.357	337.378.915.487	4.805.447.644	414.385.691.488
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	19.390.082.677	24.224.067.328	1.329.303.625	44.943.453.630
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	2.356.959	2.356.959
Chi phí tài chính	970.094.253	1.358.850.997	-	2.328.945.250
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.518.541.339	2.052.387.417	259.336.471	4.830.265.227
Lãi (lỗ) khác				1.071.835.128
Lợi nhuận trước thuế				5.902.100.355
Chi phí thuế TNDN				1.229.470.471
Lợi nhuận sau thuế				4.672.629.884

Bộ phân theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Tự Cường



PETROLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Địa chỉ: Km17, Quốc lộ 6, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Hà Nội
Số điện thoại: 024 33535228
Số fax: 024 33531214

ptshatay.petrokimex.com.vn